

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Tang: dẫu

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

Khâm Thiên

Ở Hà Nội còn một đường phố mang tên Khâm Thiên, sau có một thời là nơi chốn hát ả đào, cô đầu mà Tấn Đà, Trần Tế Xương thường lui tới để vào văn học sử.

Thế nhưng dưới thời Hậu Lê, đó là địa điểm để cơ quan *Khâm Thiên Giám* các quan văn xem *thiên văn* cho nhà nông cấy cấy.

To vo

To vo : *chơ vơ*, không nơi nương tựa
(gặp thời bặt đấng *to vo một mình*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Đồng tiền Thái Bình Hưng Bảo – thời nhà Đinh

Trong lịch sử một ngàn năm Bắc thuộc, dân Việt không có đồng tiền riêng. Mãi đến sau khi Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán, dân Việt vẫn còn dùng đến đồng tiền của phương Bắc.

Đến năm 968, Đinh Bộ Lĩnh sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, lên ngôi hoàng đế với đế hiệu Đinh Tiên Hoàng, *niên hiệu Thái Bình*. Năm 970 nhà vua đã cho đúc những đồng tiền Thái Bình Hưng Bảo.

Đây chính là những đồng tiền đầu tiên của người Việt chứ không phải tiền giấy, tiền kẽm có từ thời Hồ Quý Ly.

(Nguồn: Đồng tiền thời xưa – Khuyết danh)

Chữ nghĩa thời xưa

Chiếu = lời vua ban cho thần dân.

Biểu = bài văn của thần dân dâng lên vua để bày tỏ điều gì.

Sớ = tờ điều trần dâng lên vua.

Bút danh, nghệ danh

Có người chọn hình thức chơi chữ, như trường hợp Vũ Trọng Phụng lấy bút danh Ưng Sắc bởi “Ưng” bỏ thêm dấu sắc thành *Ưng là tên của mình*. Nguyễn Thứ Lễ chọn bút danh Lê Ta, bởi chữ Hán “Ta” có nghĩa là Ngã mà Lê *thêm dấu ngã* tức Lễ.

Dương Hùng Cường mượn ba âm đầu của họ, tên đệm và tên chính làm âm đầu của bút danh Dê Húc Càn. Chữ Hán “Dương” có nghĩa là Dê, đồng âm, đồng nghĩa với họ.

Đôi khi họ xáo trộn các chữ trong tên biến thành bút danh, nghệ danh. Nguyễn Tuân và Nguyễn Bính đảo lộn họ tên, trên xuống dưới lên và xóa bỏ hết dấu biến thành Ân Ngũ Tuyên và Biến Ngũ Nhự. Trái lại Trần Khánh Giu bỏ họ, đảo lộn tên đệm và tên chính thành Khái Hưng. *Lê Văn Bái* thay đổi vị trí các chữ cái của họ và tên chính, bỏ dấu, viết liền và thêm một chữ Pháp vào phía trước thành *J. Leiba*, nghe ra về tên Pháp.

(Chuyện phiếm về bút danh, nghệ danh – Nhật Thịnh)

Phong Hóa và Ngày Nay đình bản

Trở lại tòa báo Phong Hóa, mọi việc không được xuôi chèo mát mái như mong muốn. Ngày 31/05/1935 báo Phong Hóa đã bị Thống sứ Bắc Kỳ đình bản ba tháng. Và hơn một năm sau, sau số 190, ngày 5/6/1936, Phong Hóa bị rút giấy phép, đóng cửa hẳn.

Đoán biết sẽ có ngày Phong Hóa bị chết, Nhất Linh đã xin phép ra một tờ báo dự trữ thứ hai, do Nguyễn Tường Cẩm, anh của ông, một công chức, đứng tên. Đó là tờ báo *Ngày Nay* hiện lành, chỉ chuyên về mỹ thuật, văn chương. Báo *Ngày Nay* số 1 phát hành ngày 31/01/1935. Phong Hóa bị đóng cửa, toàn thể ban biên tập quay ra làm việc cho *Ngày Nay* mới phong độ của Phong Hóa cũ.

Báo ra tất cả được 224 số, không còn *Ngày Nay*, Tự Lực Văn Đoàn chỉ còn nhà in, nhà xuất bản *Đời Nay*, tiếp tục in sách, thơ, tiểu thuyết... Một vài cố gắng của Thạch Lam và Khái Hưng ra báo *Chủ Nhật*, rồi cũng sớm bị rút giấy phép.

Nhất Linh thoát ra hải ngoại. Năm 1942, Thạch Lam mất vì bệnh lao. Hoàng Đạo, Khái Hưng và Nguyễn Gia Trí bị Pháp bắt, mấy tháng sau bị đưa lên Vụ Bản Hòa Bình, 1941-1943.

Hoàng Đạo và Nguyễn Gia Trí bị tra tấn tàn nhẫn. Sau đó, Pháp đưa Nguyễn Gia Trí đi an trí ở Thủ Dầu Một. Hoàng Đạo an trí ở Hà Nội.

Năm 1945, một số thành viên cũ như Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thế Lữ, Tú Mỡ. Thanh Tịnh, Nguyễn Tường Bách... tụ tập lại, cho ra tờ *Ngày Nay* Kỷ Nguyên Mới, được 16 số thì đình bản, ngày 18/ 8/ 1945, hiện nay không tìm thấy, chúng ta tạm coi như *Ngày Nay* số 224, là số cuối của Tự Lực Văn Đoàn.

1946 văn đoàn Tự Lực sau 12 năm, tự giải tán.

Nhìn kho tàng văn học vô cùng đồ sộ của các vị tiền nhân nằm yên trong tủ sách bao nhiêu năm nay, nhiều người trong chúng tôi đã có ước mơ: “Làm một điều gì đó”.

(Phạm Thảo Nguyên - Giới thiệu Phong Hóa-Ngày Nay)

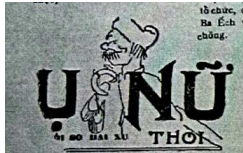
Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi...”quờn”

Nem chua nướng ngô Ấu Triệu

(Nguồn: Tôi đi đâu)

142 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

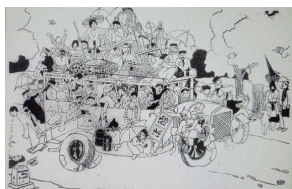


Hai "nhân vật" chủ chốt của biếm họa Việt Nam chính cũng được sinh ra trên các trang báo Phong Hoá và từ đó đi vào văn học, vào đời sống thường ngày của người Việt : Lý Toét và Xả Xệ. *Nhất Linh, dưới tên họa sĩ Đông Sơn, chính là cha đẻ của Lý Toét.*

Họa sĩ Đông Sơn vẽ ra Lý Toét vào đầu thập niên 1930, và tờ báo đầu tiên đăng tranh Lý Toét, là Phong Hóa.

Tìm đọc lại báo Ngày Nay Xuân 1940, cũ, mới biết Nhất Linh có giải thích rõ ràng chi tiết về lý lịch của cụ, trong bài viết “Lịch sử Lý Toét...”, Báo Xuân Ngày Nay 1940, tóm tắt như sau: Tên Lý Toét ra đời trước, rồi hình người Lý Toét mới ra đời sau.

Năm 1930, trong báo Tứ Dân, người đề ra “tên-Lý Toét” lại là *Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu*, từ “đề ra” sáng tác bởi *Nhất Linh*. Họa sĩ Đông Sơn và bà Phụ Nữ Thời Đàm đề ra “*hình-Lý Toét*” sau. Sự tích là: Đông Sơn một hôm đang xem báo Phụ Nữ, vẽ nghịch một người nhà quê, thấy hay hay nên xé ra vứt vào ô kéo, chưa biết để làm gì. “Quý vị ơi! Nhìn hình dưới đây đi! Nó đấy, chính nó đấy, mảnh giấy nhật trình có chân dung “thủy tổ” của tất cả các Lý Toét sau này đấy!”. Đúng là không có bà Phụ Nữ Thời Đàm thì không có Lý Toét, Nhất Linh nói chí lý thật! Trên bức hình đó Lý Toét trẻ hơn sau này nhiều, đã được mặc áo dài khăn đóng, như mọi cụ già thời đó. Lại có đủ cả râu ria, búi tóc, cụ xách thêm đôi dép da Gia Định và cặp cái ô đen: Cá tính được định hình. Cụ thường xách dép lên, đi đất, vì ngại chóng hỏng đôi dép cũ. Cái ô cũng ít khi mở ra, cụ để dành đánh chó và đeo lên vai cho oai. Nhưng chúng cũng làm khổ cụ, vì cứ bị bụi nhỏ nhít đặt vào tầm ngắm, quấy phá luôn luôn. Nào dép, nào ô, nào khăn cứ bị trộm rình!



Chắc các bạn còn nhớ: Bắt đầu từ Phong Hóa số 14, ra ngày 2-9-1932 chủ bút mới là Nguyễn Tường Tam. Ngay trong số 14 này, ta bắt gặp Đông Sơn đưa hình cụ (*chưa có tên*) về Hà Nội trên một chuyến xe đồ đồng như nệm cối.

Các bạn có nhìn thấy cụ ngồi trên mui xe ngay trên đầu tài xế đó không? Họa sĩ Đông Sơn thật hóm, giấu kỹ chẳng cho ai biết gì cả! Tuy nhiên, rất có thể chính ông cũng không biết là mình đã cho cụ về thành hôm đó, trên chiếc xe đồ đó!

(Đi tìm gốc gác Lý Toét, Xả Xệ - Phạm Thảo Nguyên)

Đừng tưởng

Đừng tưởng quan chức là rỗng
Đừng tưởng dân chúng là không biết gì
(Bùi Giáng)

Đã có một thời...

Vài nét về tiểu sử Hoàng Anh Tuấn (1932-2006)

Hoàng Anh Tuấn sinh ngày 7-5-1932 tại Hà-nội. Ngoài làm thơ, viết văn, viết kịch, ông còn là đạo diễn điện ảnh.

- 1949 Đi Pháp du học
- 1958 Về Việt Nam, cộng tác với các tạp chí văn nghệ, cùng nhiều tuần báo và nhật báo ở Sài Gòn
- 1965 Quản đốc đài phát thanh Đà Lạt
- 1975 Tù cải tạo về tội phản động
- 1981 Qua Mỹ. sống ở San Jose, California
- Từ trần 7:30 sáng (giờ cali) ngày thứ sáu, mùng 1 tháng 9 năm 2006 tức ngày 9 tháng bảy năm Bính Tuất, Thọ 75 tuổi.

(Văn Quang)

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Ngón tay thon thỏn búp măng
Tánh tình khoan nhã, thơ văn đủ mùi

Đã có một thời...

Vĩnh biệt họa sĩ Thái Tuấn

Năm 2006, khi ông từ Pháp trở về VN, tôi đến thăm ông vài lần. Những ngày sau cùng, ông sống trên căn lầu nhỏ, hết như cái chuồng chim. Chiều ngang 2m chiều dài gần 3m, nhưng có được cái máy lạnh. Khách đến chơi, không được quá 3 người. Chỗ đâu mà ngồi. Cũng chẳng có chỗ treo tranh như nhà nhiều họa sĩ khác. Trong phòng ông chỉ đủ chỗ treo một hai bức mới nhất. Mỗi khi cần giới thiệu một bức tranh nào, ông phải nhờ một người con mang từ một nơi nào đó trong nhà vào phòng.



Chính ở nơi này ông đã sáng tác 13 bức tranh trong triển lãm tháng 12 năm 2006, tôi tường trình với bạn đọc trong bài “Lầm Cầm Sài Gòn” năm 2006. Không ngờ đó lại là lần triển lãm cuối cùng của Thái Tuấn và sau đó vài ngày là bữa cơm thân mật của anh em chúng tôi, cũng lại là bữa ăn với nhau cuối cùng ở nhà hàng Cơm Niêu. Thái Tuấn mang theo một chai rượu vang, đúng...kiểu Tây. Bữa đó có cả cụ Mạnh Đan, vợ chồng Đăng

Giao, Nguyễn Thụy Long.

(Văn Quang)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Yêu nhau chỉ ngại đường xa
Đi bộ mòn dép, đi xe tốn dầu.

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Quang Dũng: Con ngựa Ô Chùy

Trời xuôi đất khiến làm sao mà sau vụ đầu tố Nhân Văn Giai Phẩm tôi bị đưa về làm ở tòa soạn báo Văn Nghệ, số 54 Trần Hưng Đạo cùng chung với Quang Dũng.

Tôi không biết Quang Dũng sinh năm nào nhưng đoán chừng anh lớn hơn tôi 9-10 tuổi. Anh ta lớn lắm. Không biết tả thế nào cho đúng, thôi thì cứ nói thế này, nếu đi mậu dịch xếp hàng mua đồ mà tôi đứng sau lưng anh thì cô không thể nào trông thấy tôi.



Hoặc hình tượng hóa cho linh dụng hơn thì cứ trông anh cỡi chiếc xe đạp Trung quốc chạy ngoài đường thì rõ. Xe đạp Trung quốc to hơn xe đạp Pháp và *nặng hơn bất cứ loại xe đạp nào* có bán ở Hà Nội. Đặc biệt chỉ sơn đen, vè sắt, vành sắt, bánh xe Pháp 650, Đông Đức 700, còn *xe Trung quốc chắc là 750*. Ai mà rủ ro bắt được phiếu mua xe Trung quốc thì khóc ròng, nếu ở góc 3 mỗi ngày phải vác lên cồng xuống vài lần thì mất sức

khỏe lắm. Bọn tôi thường gọi đó là *con ngựa Ô Chùy*, nhưng Quang Dũng cưỡi nó chạy bòn bòn như người lớn cưỡi xe con nít vậy.

Quang Dũng thường mặc đồ nâu sậm, nâu nhạt, không thấy anh mặc áo trắng hoặc màu gì khác. Có lẽ để đỡ tốn xà bông chẳng? Xà bông ở Hà Nội phải mua phiếu chớ không dễ. Anh mang dép râu chớ không mang giày. Anh còn có thói quen mang một sắc cốt bằng vải kaki bên hông như mấy ông đại cán. Anh đội một chiếc nón lá kè độc nhất, cũ nhưng không rách. Vật dụng của anh dù cũ kỹ nhưng rất tươi tắn, gọn gàng không xập xệ.

(Xuân Vũ)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Ăn trông nồi, ngồi trông đĩa bên cạnh.

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Quang Dũng: Viết

Tôi biết anh là người có nghề nên tìm cách học cũng như tôi học Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyên Hồng, Nguyễn Huy Tưởng. Quang Dũng bảo: "Cái sự viết ấy mà! Cậu cứ viết thì thành nghề. Chớ không có ai dạy ai được. Bởi vì tìm ai nấy run, đầu ai nấy nghĩ" (Sau này tôi đọc Thạch Lam thấy cũng nói gần như vậy: Nghệ sĩ là thiên phú, không học mà cũng không dạy được).

Nhưng thỉnh thoảng Quang Dũng vẫn kêu tôi ra chỗ vắng hoặc ngoài đường, bảo cho tôi những chỗ "được" của anh này, chị nọ hoặc chính của tôi. Hỏi đó tôi biết quái gì đâu, kêu vô hội Nhà văn thì vô, ham viết thì viết, có biết giàn dựng cái giống gì. Nhưng nhờ học mỗi người một chữ, mỗi người chỉ cho một chút mà viết.

(Xuân Vũ)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Ước gì anh hóa thành gà
Ngày ngày đập mái các nhà xung quanh

Chuyện bây giờ mới kể

Xe đỗ lại trong một cái sân rộng.

"Theo chân họ, tôi (Hồ Dzếnh) bước vào một căn phòng trống huếch trống hoác, ở tường hậu có một cái bàn giấy. Lấy thêm ghế, phân ngôi chủ khách. Chuyện trên trời dưới đất.

Sau hết, mới vào đề:

- Anh nhất định không chịu ?
- Tại sao tôi lại phải đi?
- Người Hoa đi cả, anh ở lại làm gì?
- Nhà tôi ở đây, vợ con tôi ở đây, đi đâu? Việc gì tôi phải đi?.

Họ nhìn nhau, cười. Cứ như họ nghe một câu trả lời ngớ ngẩn của người điên. Tôi bặm môi lại, không nói thêm câu nào nữa. Nói làm gì? Có nói họ cũng chẳng hiểu.

Rồi họ đứng lên, ra hiệu cho tôi đi theo".

- Họ đưa anh đi đâu?

"Qua một cửa lớn làm bằng nhiều song sắt. Rồi một cửa nhỏ, cũng bằng song sắt. Nó dẫn vào một hành lang mờ mờ tối"

Tôi thẳng thốt:

- Đó là khu xà lim 1. Tôi từng ở đấy. Họ giam anh?

Hồ Dzếnh trầm ngâm. Rồi cười buồn:

“Lúc ấy tôi cũng nghĩ thế – mình sẽ bị giam ở đây. Nhưng không, họ không giam tôi.

Một anh có vẻ là cấp trên trong hai người mở nắp cái ô nhỏ bên trên cánh cửa, rồi ra hiệu cho tôi nhòm theo. Cái lỗ quan sát ấy. Nhòm vào, tôi giật bắn mình – bên trong là một cái xác trần truồng, gày đét. Nghe động, cái xác hé mắt. Hoá ra là một người sống. Tất nhiên, anh ta không nhìn thấy tôi, cái lỗ ấy chỉ cho anh ta thấy hai con mắt. May, không phải một người quen. Tiếp theo, họ mở thêm vài cái ô như thế nữa, vẫy tôi lại, nhưng tôi lắc”

– Rồi sao?

“Họ đưa tôi về nhà, cũng trên chiếc command-car ấy. Trên xe, không ai nói với ai câu nào. Chỉ khi mở cửa xe cho tôi xuống, người công an cấp trên mới đặt tay lên vai tôi: “Anh thấy rồi đấy – anh muốn về Tàu hay muốn ở lại trong cái chỗ anh vừa thấy?”

Câu chuyện Hồ Dzếnh kể làm tôi bàng hoàng.

Lại thêm một cái không thể ngờ có thể xảy ra trong cuộc cách mạng mà tôi đi theo từ thuở thiếu thời. Những người mà tôi từng gọi là đồng chí bên trong cái vỏ bọc cách mạng đã hành xử tàn nhẫn đến thế đấy, với một nhà văn không hề chống lại họ.

(Vũ Thư Hiên)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Chẳng cần biết ngày mai ra sao
Mà dù có ra sao cũng chẳng sao.

Chữ nghĩa làng văn

Đột nhiên Hoàng Huế hỏi, nghe nói bà vợ thứ hai của anh (Hữu Loan) là “vợ nhật” phải không? Tôi (Xuân Đài) liếc nhìn Hoàng Huế mắng, hỏi gì mà cắc có thế! Hữu Loan lại cười đôn hậu, không sao Đài ơi, Hoàng Huế dùng từ “vợ nhật” là đúng đấy. Đạo đó đang cải cách ruộng đất, gia đình cô ấy là địa chủ, bố cô lĩnh án tử hình, cô bị đuổi ra khỏi nhà sống lang thang, mót khoai mót sắn ăn, đêm về ngủ bờ ngủ bụi. Làng cô gần làng tớ. Lần đi phép năm đó, 1955, tớ gặp cô, hỏi han dăm ba câu chuyện, rồi dắt cô về nhà, cô trở thành vợ tớ từ đó.

Hồn nhiên vậy thôi. Bây giờ đi ăn cái đã, tớ bao cả hai thằng bằng tiền nhuận bút vừa lĩnh được. Các cậu muốn biết mối tình cay đắng thứ hai này, bữa khác, thông thả tớ kể chi tiết cho nghe, bây giờ chỉ nói với các cậu một câu ngắn gọn: bà ấy đã sinh ra cho tớ một bầy con, học hành đến nơi đến chốn, lần này tớ vào đây, ngoài việc thăm Sài Gòn, thăm bạn là thăm con...

(Một lần gặp nhà thơ Hữu Loan – Xuân Đài)

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Trán cao, miệng rộng, mũi dài
Có khoa ăn nói, ít ai sánh bằng

Về khúc Tống biệt

Tống biệt là một bài “Từ” nổi tiếng của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Ông được xem như *một trong những người mở đường cho Thơ mới sớm nhất*.

Tống biệt được trích trong vở Chèo *Thiên Thai* do ông sáng tác năm 1922. Nội dung vở diễn tích hai chàng thư sinh là Lưu Thần & Nguyễn Triệu đời nhà Hán, nhân Tết Đoan Ngọ (nhằm ngày 5 tháng 5 Âm lịch), vào núi Thiên Thai (nay là tỉnh Triết Giang) hái thuốc, rồi bị lạc lối về. Hai chàng bất ngờ gặp được tiên nữ, rồi kết làm vợ chồng, sống hạnh phúc được nửa năm, thì cả hai nhớ nhà, muốn về thăm. Các nàng ngăn cản không được 2 chàng, vì biết ra đi là lạc lối về. Lưu, Nguyễn về làng thấy quang cảnh khác xưa, hỏi ra thì mới biết đã xa nhà đến 7

đời. Buồn bã, hai chàng trở lại Thiên Thai, thì đã không còn thấy tiên cảnh đâu nữa...Kể từ đấy, họ đi vào núi rồi mất biệt...

Văn học cổ - 1

Các nhà nghiên cứu văn học xếp văn học cổ Việt Nam thành ba loại: văn chương bác học, văn chương vừa bác học vừa bình dân và văn chương bình dân.

Văn chương bác học là loại văn chương viết bằng chữ Hán, dành cho những người có học. Văn chương vừa bác học vừa bình dân là loại văn chương viết bằng chữ nôm, một thứ chữ dùng chữ Hán ghép lại nhưng phát âm tiếng Việt nên khi đọc lên người bình dân cũng có thể hiểu được sơ sơ. Văn chương bình dân là loại văn chương phát xuất từ giới bình dân, đó là những câu ca dao, tục ngữ và truyện cổ.

Văn chương bác học do những nhà Nho sáng tác dành cho những người giỏi Hán văn, ít ra cũng phải qua “thập niên đăng hỏa” hoặc những người đã đỗ đạt. Chẳng hạn như Kiến Văn Tiểu Lục của Lê Quý Đôn, Vũ Trung Tùy Bút của Phạm Đình Hổ, Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn...và những bài thơ chữ Hán của các nhà Nho. Ngay cả những bài văn nổi tiếng như Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi, Văn Tế Trận Vong Tướng Sĩ của Nguyễn Văn Thành là những bài văn cần được phổ biến trong dân gian cũng viết bằng chữ Hán.

(Văn học cổ VN – Tạ Quang Khôi)

Ghép chữ Nôm

Tiếng Việt có nhiều cách ghép chữ như:

Ghép chữ Nho: Phần lớn các chữ ghép của ta do hai chữ Nho ghép lại thường được gọi là tiếng Hán-Việt và ta dùng quen thành tiếng Việt thông-dụng...Tài tình nhất là những chữ kếp hoàn-toàn ghép bằng hai tiếng Nôm (tiếng Việt thuần-túy).

Lối này có nhiều cách như:

Ghép hai chữ mà đứng riêng ra thì không có nghĩa: *bâng-khuâng, số-sàng, sặc-sựa, sững-sờ, tầm-tã, thỉnh-thoảng, xập-xệ...*

Ghép một chữ có nghĩa vào một chữ phụ để làm mạnh ý: *bực tức, cực khổ, cứng rắn, ồn-ào, tan-tác, thương yêu, xấu hổ, yếu hèn...*

Ghép một chữ vào một chữ khác để làm nhẹ bớt ý: *còm còm, cong cong, khen khét, mẫn mẫn, nhẹ nhẹ, trắng trắng...*

Văn học cổ - 2

Văn chương vừa bác học vừa bình dân là loại văn chương viết bằng chữ nôm, một thứ chữ còn khó hơn chữ Hán, vì muốn đọc được, phải thông thạo Hán văn trước đã. Vì thế, loại văn chương này cũng do các nhà Nho khoa bảng sáng tác. Người ta thấy nhiều tác phẩm nổi tiếng, như: Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du, Hoa Tiên của Nguyễn Huy Tự, Bích Câu Kỳ Ngộ của Vũ Quốc Trân, Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu. Loại văn chương này người bình dân không đọc được, nhưng nghe thì hiểu đại khái vì lời văn có nhiều điển cố.

Văn chương bình dân là loại văn chương truyền miệng của giới bình dân, như ca dao, tục ngữ, truyện cổ. *Sau này văn chương bình dân mới được ghi chép lên giấy tờ, sách vở.* Văn chương bình dân là loại văn chương không chịu ảnh hưởng của Hán học nên không có nhiều dấu vết vay mượn như hai loại văn chương bác học và vừa bác học vừa bình dân.

(Văn học cổ VN – Tạ Quang Khôi)

Sài Gòn xóm - 1

Đừng quên phía sau Sài Gòn phố còn là Sài Gòn xóm. Những con xóm một thời ẩn chứa nhiều cổ tích, là một phần không thể thiếu trong ký ức và đời sống của đô thị.

Sài Gòn xóm bắt đầu từ thế kỷ 19, lúc *thành Gia Định có khoảng 40 làng*, tụ hội dọc bờ sông, bờ rạch, xen kẽ với chợ búa. Người Pháp đến, họ phóng đường mở phố. Tuy nhiên, phía sau những dãy nhà mặt tiền to lớn vẫn còn nhiều vườn tược, bãi đất, ao hồ, mương rạch. Từ đó, dần dần ra đời những con hẻm, những ngõ ngách, những xóm nhà ẩn khuất xung quanh....

Những cái tên dấu ấn làng quê

Sài Gòn xóm có tên riêng tùy nơi: Chợ Đũi, *Xóm Gà*, *xóm Bàn Cờ*, Xóm Đất, Cây Da Xà, Cổng Bà Xếp, Lò Vôi... Những cái tên mang đầy dấu ấn làng quê trước lúc chuyển sang phố thị.

(Phúc Tiến)

Xóm Gà

Vùng Sài Gòn - Gia Định có nhiều địa danh rất đơn giản, biểu lộ tính mộc mạc, tả chân, có gì thì nói đó của dân Nam, rải rác khắp nơi như Xóm Củi, Xóm Chiếu, Xóm Lò Gốm, Xóm Thơm, Xóm Lò Vôi, nhưng hiếm có một xóm có tên của động vật: *Xóm ...Gà*.

Xóm Gà, ngày xưa thuộc Bình Hòa Xả, quận Gò Vấp, tỉnh Gia Định, là xa tiếp cận với quận 1 Sài Gòn chỉ cách nhau qua cầu Bông (trên đường Lê Văn Duyệt bây giờ là Đinh Tiên Hoàng) và cầu Sắt trên đường Bùi Hữu Nghĩa (xưa chỉ dành cho tuyến xe lửa). Xưa có ba ga xe lửa nằm trên đường Lê Quang Định (Bình Hòa, Xóm Gà và Đông Nhi) trên tuyến đường Gò Vấp ra đến Sài Gòn. Tôi nhớ mang máng thấy đường rầy xe lửa và ga nữa.

(Y Nguyên-Mai Trần)

Sài Gòn xóm - 2



Tôi sinh ra và lớn lên ở *xóm Bàn Cờ*, khu vực đóng khung giữa các đường Lê Văn Duyệt, Hồng Thập Tự và Lý Thái Tổ, Phan Thanh Giản. Bàn Cờ ngày càng đông đúc, nhà dân, chợ búa mọc lên tấp nập. Thế nhưng, 50 năm trước, xem bản đồ Sài Gòn xưa, ta có thể ngạc nhiên thấy cả khu vực này đều chưa có tên. Tìm hiểu qua sách báo và cư dân lâu năm, mới biết cuối năm 1950, Bàn Cờ là “trại tạm

cư”. Dân “chạy loạn” từ quê lên, được chia ô cắm dùi làm lều. Cứ thế, trên đất trống hình thành những con hẻm đường đất, chạy chi chít nhưng vuông vắn như... Bàn Cờ.

“Làng quê” ven phố

Xóm Bàn Cờ xa xưa giống như những con xóm khác của Sài Gòn, không những là nhà nghèo mà còn là “nhà quê”, bởi chính khung cảnh đậm đặc “thôn làng” giữa phố! Nhiều xóm nhà ngày ấy rất đúng nghĩa là “xóm nhà lá”, vì phần lớn đều là những căn nhà có mái và vách ngăn làm bằng lá dừa nước phơi khô. “Sang” hơn thì nhà vách ván, vách tôn. “Sang” nhất trong xóm là những ngôi nhà đóng bằng “cây” (gỗ), dấu chỉ là gỗ tạp, còn gọi là “nhà cây”. Đó thường là nhà hai tầng, khung và các cửa đều bằng gỗ, sơn phết màu xanh da trời hay màu xanh đọt chuối, rất hiền hòa.

Thưở ấy, đèn néon chưa phổ biến, nhà nào khá lắm cũng chỉ có bóng đèn vàng. Đường hẻm chưa có đèn công cộng. Tối đến, khung cảnh các xóm càng trông giống làng quê với những ánh đèn vàng tĩnh mịch. Những con hẻm đường đất vẫn còn nhiều cây xanh là ngôi vườn, là sân chơi chung cho con nít chúng tôi. Dưới những tàng cây thanh bình, trẻ em trong xóm chơi đánh đáo, bắn bi, ô ăn quan, nhảy cầu, nhảy dây, tạt lon...

(Phúc Tiến)

Thành ngữ tục ngữ

Nhất xương, nhì da, thứ ba dạc lò

Đây là thành ngữ chỉ nghề làm gốm sứ. Muốn có sản phẩm tốt phải chú ý ba yếu tố : *xương*,

da, đặc lò. Xương là chất đất để nặn ra sản phẩm, da là chất men dùng tráng mặt ngoài của sản phẩm, đặc lò là *độ nóng* của lửa nung. Cũng có người giải thích *đặc lò là hình dáng lò nung.* Lò nung phải xây đúng cách để khi nung, độ nóng tỏa đều khắp thì sản phẩm mới đẹp.

Phổ Thi Sách

Đi trên đại lộ Hai Bà Trưng tôi bỗng sực nhớ lại một điều rồi tủi thân cho bọn đàn ông. Là hể đờn ông được danh vọng thì đàn bà cũng thơm lây, nhưng khi đàn bà nổi danh thì tên tuổi đàn ông chìm sâu. Đành rằng ông Thi Sách chỉ có công nhỏ đối với nước nhà là bị viên thái thú Tàu, nhưng quên mất ông ấy cũng tội.

Vậy nên tôi đã đi khắp Sài Gòn để tìm xem có con phố nào là phố Thi Sách không? Có. Hoan hô quý vị đặt tên đường đã nhớ dai. Nhưng mà tội quá, ông Thi Sách ở mãi bên kia nhà thương Đồn Đất, ở xóm ngoại nhân, không bao giờ có người Việt bước chân đến. Ông này đã chết vì tay ngoại nhân mà *hương hồn ngày nay vẫn lẫn lộn với ngoại nhân.*

Ông Thi Sách và Hai Bà Trưng chạy song song với nhau cho tới mé nước, và không bao giờ gặp nhau cả, đó cũng là một điểm đáng buồn cho cặp vợ chồng ấy.

(Phố của thành phố: Nhân Loại – 1957 Bình Nguyên Lộc)

Sài Gòn một chút quán xá

Hủ tíu Thanh Xuân, hủ tíu Gà Cá

Các tiệm hủ tíu nổi tiếng Sài Gòn phải kể đến hủ tíu Thanh Xuân đường Tôn Thất Thiệp (gần chùa Chà Và), hủ tíu Phạm Thị Trước ở đường Lê Lợi (khúc gần Pasteur), hủ tíu Gà Cá ở đường Hàm Nghi gần khu Ngân Hàng Quốc Gia và hủ tíu Thanh Thế trên đường Nguyễn Trung Trực...

Có người đến hủ tíu Phạm Thị Trước gọi thêm bánh páté chaud ăn kèm, cũng giống như hủ tíu Gà Cá. Tuy nhiên, mỗi tiệm hủ tíu đều có hương vị riêng khiến một khi khách đã “kết” thì khó đi ăn nơi khác. Hủ tíu Sài Gòn sáng nào cũng đông người đến thưởng thức, không cần đợi đến những ngày cuối tuần.

Thường hủ tíu bánh mềm, *riêng hủ tíu Thanh Xuân hay Mỹ Tho thì thêm bánh dai, nấu khô hay nước*, tùy theo ý thích của khách. Chỉ nhìn đĩa rau dọn lên trước cũng thấy bắt mắt: giá, hẹ, rau cần tàu, tần ô, vài cọng xà lách. Thêm vào đó, mùi nước lèo xông lên như đập vào khứu giác thực khách làm bụng cứ gào thét...

Hủ tíu Thanh Xuân thì phải có rau tần ô, rau cần tàu, giá sống. Hủ tíu Phạm Thị Trước hay Thanh Thế không có rau tần ô.

Riêng hủ tíu Gà Cá thì chỉ có giá sống. Tuy nhiên, các thứ hủ tíu *nếu thiếu vài miếng tóp mỡ và cái bắp thảo thì hình như thiếu mất cái gì đó.* Nước lèo vừa ngọt của xương, vừa béo của chất tủy từ ống xương, chút mùi của con mực, tôm khô, và củ cải. Những thứ ấy quyện vào nhau thành một thứ nước lèo hấp dẫn. Hủ tíu bình dân có những xe hủ tíu bán dạo. Từ mờ sáng cho đến khi màn đêm buông xuống, nghe tiếng rao...lòng thấy nao nao!

(Nhớ lại món ngon Sài Gòn ngày trước - Nguyễn Ngọc Chính)

Nói lái trong dân gian

Trong dân gian, hầu như ở miền nào cũng có nghe truyền tụng những câu nói lái qua câu đố, câu đối, hay nói lái với hò vè, thơ ca

Bụi riềng trồng ở bờ ao

Chú mọc tồn quán quít ngày nào cũng xin.

(mọc tồn: cây còn, con cây)

Sài Gòn một chút quán xá

Phở Hòa Pasteur, phở Quyền

Trên đường Pasteur có phở Hòa, khá nổi tiếng. Ban đầu, lúc khai trương năm 1960, tiệm phở này mang tên *Hòa Lộc*. Có lẽ sau này khách ăn cứ gọi tắt là Hòa nên Hòa Lộc biến thành *Hòa* theo kiểu gọi tên một chữ cho dễ nhớ thường thấy ở các tiệm phở ở Hà Nội thời Nguyễn Tuân. Phở Hòa chỉ chuyên phở bò.

Nói đến phở Sài Gòn tại khu vực trung tâm, phải nói đến tiệm phở 79, ngay tại số nhà 79 trên đường Võ Tánh. Khoảng năm 1952, tiệm phở 79 mở cửa, khi đó nền nhà của tiệm còn thấp hơn mặt đường. Chỉ vài năm sau tiệm phát đạt, chủ nhân mua hai nhà bên cạnh, mở lớn thành tiệm phở 79 khang trang và có thể nói là một trong những tiệm phở lớn nhất Sài Gòn thời đó.

Trường sinh ngữ quân đội có chi nhánh ở đường Nguyễn Văn Tráng rất gần với phở 79 tại khu vực ngã Sáu Sài Gòn. Đám giảng viên chúng tôi thường xuyên ăn sáng, ăn trưa và cả ăn tối mỗi khi “ứng chiến” tại trường. Phở tại đây được đánh giá là... “ăn được.” Nếu ai “ăn không được” thì chịu khó đi thêm vài bước ra ngã sáu, nơi đây có đủ các món từ phở, hủ tấu cho đến mì

Gần ngã tư Phú Nhuận có phở Quyền trên đường Võ Tánh. Nước phở ở đây rất đậm đà, vị ngọt là của xương ống chứ không phải vì bột ngọt. Phở Quyền còn có cả món “tái sách tương gừng” được xếp vào loại...trứ danh.

(Nhớ lại món ngon Sài Gòn ngày trước - Nguyễn Ngọc Chính)

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Sex ở Việt Nam thời Hồ - Mạc



Một chiếc đĩa Chu Đậu vẽ hình hai người nam nữ trong một tư thế làm tình thoảng hoạt, dưới một lùm cây; ở góc đĩa có một khuôn mặt của người thứ ba thò ra như xem trộm...Chiếc đĩa này nằm trong lòng một con tàu đắm chỉ chờ *toàn hàng gốm sứ Chu Đậu*. Năm 2002, nó được Công an Quảng Nam thu giữ từ mớ đồ cổ trên một con thuyền đánh cá trực vớt đồ cổ ở Cù lao Chàm.

Điều này cho phép có thể xác định bước đầu chiếc đĩa đã được chế tạo cách nay 4-6 trăm năm. Nét vẽ vụng về, hình người không cân xứng, trong khi đó bụi tre bên cạnh thì rất đẹp, cho thấy vẽ người không phải là sở trường của người thợ này. Tất cả như một lần vẽ nghịch, vẽ đùa của một người thợ nào đó. Thế nhưng cái tư thế làm tình không cổ điển của hai người, cũng như khuôn mặt thứ ba dòm vào gợi cho người xem một cảm giác về một câu chuyện có thật nào đó, đã xảy ra đâu đó trong làng hay trong lò gốm, người ta bàn tán râm ran mà thành ra chuyện.

Có thể nói đây là hình tượng người làm tình thứ hai của người Việt kể từ sau các đôi người nằm chồng lên nhau trên nắp thạp đồng Ngọc Lũ. Khoảng cách thời gian giữa hai hình tượng là xấp xỉ 2.000 năm. Thế nhưng, nếu trên nắp thạp đồng Ngọc Lũ để tạo nên cảm thông bởi đó là thời của các nền văn minh cổ đại, thời của các văn hoá, *tôn giáo phồn thực*, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng chưa nhiều để có thể xem hành động giao cấu là tội lỗi; thì chiếc đĩa Chu Đậu này gây cho ta cảm giác về một điều gì đó vượt ra ngoài lễ giáo, thực sự vi phạm các chuẩn mực xã hội.

(Trần Anh Tuấn)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Sex ở Việt Nam thời nhà Hồ

Có thật vậy không? Đồ gốm sứ Chu Đậu, tên một làng sản xuất đồ gốm sứ ở Hải Dương, cực thịnh trong vòng 200 năm từ cuối thế kỷ 14 đến cuối thế kỷ 16.

Ở Trung Quốc, nhà Minh lên đã có những thay đổi lớn trong chính sách buôn bán ngoại thương. Tức vào năm thứ 4 đời Hồng Vũ 1371 công bố lệnh cấm người Trung Quốc đi ra nước ngoài bằng đường biển. Các đời vua sau duy trì tiếp trong khoảng 200 năm và cho đến 1567 lệnh này mới được bãi bỏ. Chính thời gian này là điều kiện để đồ gốm sứ Việt Nam thay thế vai trò thống trị của hàng gốm sứ Trung Quốc trước đó.

Và ở Việt Nam lúc này, từ Lê, Lý, Trần kéo dài hơn 500 năm đã tạo nên một sức phản kháng ngấm ngấm. Những chuẩn mực đạo đức Nho giáo mới hình thành, chưa ăn sâu bén rễ trong đời sống làng xã thì nhà Hồ với những cuộc cải cách táo bạo như: *Không xem Khổng Tử là người thầy của xã hội, không dùng Tứ Thư, Ngũ Kinh trong thi cử* chọn người tài, phát hành tiền giấy, súng đại bác được đúc, đẩy mạnh đội thuyền chiến. Những cải cách của Hồ Quý Ly lúc này trùng khớp với những chuyển mình của thời đại phục hưng ở châu Âu. Tiếc thay, thời đại Hồ Quý Ly quá ngắn để có thể hình thành nên một thời đại phục hưng ở Việt Nam.

(Trần Anh Tuấn)

Từ điển và từ ngữ Việt Nam

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lâm.

Cục tác. *Tiếng gà mái kêu*

Dĩ nhiên là nếu lời giảng trên đây của Nguyễn Lâm mà đúng thì *gà trống sẽ chẳng bao giờ biết cục tác cả*.

Tó

Tó : *lấy ra, móc ra*

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Ghép chữ Nôm

Đặc biệt một chữ mà đem ghép với nhiều chữ khác để hàm ý-nghĩa thật mạnh như chữ “trắng”: *trắng bạch, trắng bệch, trắng bóng, trắng dã, trắng hếu, trắng môn, trắng muốt, trắng muốt, trắng nõn, trắng ngà, trắng ngần, trắng phau, trắng tinh, trắng toát, trắng-trẻo, trắng xóa...*,

Còn “đỏ” thì có: *đỏ au, đỏ chét, đỏ choét, đỏ chói, đỏ gay, đỏ lòm, đỏ rực, đỏ tươi, đỏ thắm...*

Và “vắng” thì ta có: *vắng bặt, vắng lạnh, vắng ngắt, vắng tanh...*

(Tiếng Việt hồn Việt – Lê Thương)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Ngãi té/hiền té: chàng *ré*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

Lá trúc che ngang mặt chữ điền

Tác giả Phanxipăng trong bài biên khảo về Hàn Mặc Tử đã đề cập đến đầu đề bài thơ: "Điều nhằm lẫn... tiêu đề bài thơ! Nguyên tác, Hàn Mặc Tử viết "Ở đây thôn *Vỹ Giạ*" chứ không phải "Đáy thôn *Vỹ Dạ*" như trong sách giáo khoa *Ngữ văn cấp Trung học phổ thông* hiện hành - Địa danh có thể chỉnh sửa về chính tả : *Vỹ Dạ* thay vì *Vỹ Giạ*.

Còn chữ "Ở" hà cơ gì bị lược bỏ? Nhà văn Trần Thanh Địch nhận xét: Chữ "Ở" được Hàn Mặc Tử dùng có chủ đích.

Đọc kỹ bài thơ mới thấy chữ đó nhấn mạnh đến thôn *Vỹ*: *Ở đây sương khói mờ nhân ảnh...*
Tùy tiện "biên tập" cả... "*tựa đề*" là chuyện tối kỵ!

(Nguyễn Cẩm Xuyên)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Té quán: *vợ, tiếng xưng vợ nhà*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

143 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ



Tới *Phong Hóa* số 59, bức vẽ "Lý Toét ra tỉnh" thứ hai, do Đông Sơn vẽ dưới đây, (ký tên chữ nhỏ) chiếm ngay trang bìa:

Lý Toét **lắm bảm**: Quái! người ta chôn ai mà đào dài vậy??

Đông Sơn Nhất Linh biết rằng nhân vật này sẽ chinh phục độc giả. Quả như vậy, Lý Toét đã làm mưa làm gió trên văn đàn nước ta trong suốt thập niên 1930. Trước hết, về cá nhân Lý Toét, tính chất tổng quát được mọi người cùng chấp nhận bất thành văn, là:

Lý Toét là một ông già nhà quê, có chức phận trong làng, chức Lý trưởng, nên được gọi là Lý, mắt bị bệnh đau-mắt-hột từ bé, thành ra nó cứ kèm nhèm, như viên sỏi tây đỗ, ta gọi là mắt toét. Nhập hai chữ *Lý* và *Toét* vào nhau thành tên luôn, chứ *Lý Toét* không phải là tên cúng cơm, bỏ mệ đặt cho.

Lý Toét nghèo, sống ở thôn quê, chưa từng được thấy những thứ văn minh ngoài phố do người Pháp mang lại. Lý biết đọc chữ quốc ngữ, biết ít chữ nôm, chữ nho, nhưng không hiểu tiếng Pháp, nên có nhiều phen không thông về chữ nghĩa, nhầm chữ nọ sang chữ kia tí chút. Vì nghèo nên Lý Toét tham ăn, lại nghiện rượu, nên ích kỷ, chỉ muốn mình được phần to, thêm nữa, không hiểu gì về vệ sinh, ăn ở dơ bẩn, Lý Toét rất mê tín, thờ đủ mọi loại thần thánh, từ con cóc sành trên bể nước ngoài vườn hoa, đến con hổ sống trong chuồng Vườn Bách Thú...



Nhưng ngắm tranh Lý Toét lâu, ta thấy cụ có vẻ hơi ... cô độc, thiếu bạn. Và việc phải đến, đã đến: Xã Xệ xuất hiện.

Nhất Linh gọi đó là do tự nhiên phải thế. Xã Xệ là một nhân vật bằng vai phải lứa với Lý Toét. Xã Xệ béo ịt, thấp lè tè, đầu trọc lông lốc, còn độc một sợi tóc quăn xoắn ốc trên đỉnh. Hình ảnh Xã Xệ hoàn toàn đối chọi với Lý Toét gầy đét và cao lênh khênh. Xã ra đời để đấu láo với Lý, cãi

chày cãi cối với Lý...

Cha đẻ của Xả Xệ là *họa sĩ Bút Sơn*, từ Saigon gửi tranh vẽ ra Hà Nội. Tôi nghĩ vị này là một độc giả yêu quý Phong Hóa, nên tạo ra nhân vật Xả Xệ đối kháng với Lý Toét. *Ông lấy hiệu Bút Sơn để nhái Đông Sơn.*

Nhưng Nhất Linh đến tận khi mất, *vẫn chưa biết tên thật của Bút Sơn.* Trên tờ di cáo “Đời làm báo” ghi tất cả tên và bút hiệu các cộng sự viên Tự Lực Văn Đoàn, Nhất Linh có hàng chữ sau: Bút Sơn ở Saigon (*Người đẻ ra Xả Xệ*), tên thật chưa biết. Xin ông Bút Sơn (*nếu ông còn sống*) hoặc các bạn, cho biết tên thật.

Hiện nay chúng tôi được biết tên thật họa sĩ Bút Sơn là *Lê Minh Đức.* “Theo nhà báo nhà thơ trào phúng Tú Kênh viết trên Báo Bình Minh Xuân Mậu Thân 1968 xuất bản ở Saigon thì: Vào năm 1936 báo Phong Hóa, nhóm Tự Lực Văn Đoàn, ở Hà Nội, có tổ chức cuộc thi vẽ tranh hài hước, họa sĩ chuyên vẽ tranh hài hước Bút Sơn Lê Minh Đức ở Saigon vẽ một bức tranh gửi ra Bắc dự thi”. Thật ra, *lần đầu tiên Xả Xệ xuất hiện trong tranh Bút Sơn là ngày 16 tháng 3 năm 1934,* trên báo Phong Hóa số 89.

(Đi tìm gốc gác Lý Toét, Xả Xệ - Phạm Thảo Nguyên)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Ta về ta tắm ao ta
Chứ qua ao bạn...đường xa quá chùng

Đã có một thời...

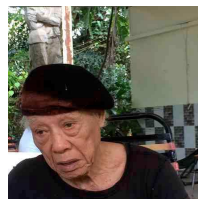
Đi tìm ông nặn tượng

Tôi nhận được điện thoại của anh Thái Phương từ Mỹ, nhờ đi tìm anh Nguyễn Thanh Thu. Nhưng oái oăm thay cái địa chỉ anh cho lại rất mơ hồ: Phường 5, đường Lê Quang Định. Tôi thuê xe ôm đi tìm một lần, nhưng cái Phường 5 đường Lê Quang Định rối rít tít mù với hàng dãy phố xá, đường hẻm, đường cụt. Anh xe ôm chuyên nghiệp ở vùng này cũng không thể mò ra. Tôi điện thoại cho Thái Phương rủ thầy giáo này cùng đi kiếm, hay nói cho đúng hơn là đi “mò kim đáy biển”, may ra thì gặp.

Đi suốt một buổi sáng, hai anh em muốn “cãi lộn” vì hẻm này hẻm kia, ngõ này ngõ nọ. Cuối cùng “vớ” được một thiếu phụ khá trẻ và... khá đẹp, lên tiếng: “Các ông cần tìm nhà ông nặn tượng, cứ đi theo tôi. Nhân thể tôi cũng đi qua đường đó”.



Đi loang quanh vài con hẻm, chúng tôi dừng lại trước cửa một tiệm cà phê rất “hoàn tráng” có cái tên cũng khá “ấn tượng” là... “*Tượng đá*”. Quán cà phê rộng, có những cây cổ thụ gốc rễ xù xì, cao ngất ngưởng. Bên cổng là một cái nhà nhỏ cho mấy anh “bảo vệ”. Thấy cái cảnh có vẻ “bể thế”, tôi trở nên ngập ngừng hỏi thăm bác Nguyễn Thanh Thu. Anh bảo vệ chỉ ngay một anh thanh niên: “con ông Thu đó”. Chúng tôi thờ phào, tay bắt mặt mừng với người con trai của anh Thu, như đã... quen nhau từ khuya. Anh thanh niên đưa chúng tôi vào theo con đường nhỏ bên phải quán cà phê.



Lúc đó điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu đang đổi nghề điêu khắc sang “thợ làm vườn”. Anh đang tưới cho mấy chậu cảnh quý ngoài hiên nhà. Xung quanh anh là một số những tác phẩm lẫn lộn cả cũ và mới nằm rải rác trong khu vườn hoa tĩnh lặng. Phía bên kia là dãy bàn ghế cho quán cà phê đang đông khách, được ngăn chia bằng mấy thân cây si, cây đề cổ thụ xòe những tàn lá che kín nửa vùng sân.

Nhận ra người quen, anh Thu rời cây kéo tĩa hoa, vui mừng ôm vai bạn. Kiểu “ăn diện” của Nguyễn Thanh Thu bao giờ cũng giản dị đến... quá bình dân. *Cái “mũ nôi”* từ đời tám kiếp nào vẫn chùm hụp trên đầu, có vẻ cổ giầu cái đầu hơi lớn. Nhưng đó là “dấu ấn đặc biệt made in Nguyễn Thanh Thu”, không lẫn đi đâu được. Cứ như, nếu không có *cái “mũ nôi đen”* và không

có vẻ lam lũ thì *không phải là Nguyễn Thanh Thu*.

(Văn Quang)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Nói lái trong nước

Người có chỗ đứng sẽ...*cứng chỗ đó*.

Đã có một thời...

Vĩnh biệt họa sĩ Thái Tuấn

Những ngày cuối cùng

Anh cứ hẹn tôi, lúc nào sẽ lên Lộc Ninh nằm chơi vài ngày, nếu thích sẽ vẽ mấy cô gái Thượng. Trong hàng loạt tác phẩm của anh, hầu hết diễn tả về đẹp thiếu nữ thuộc nhiều thành phần khác nhau, có lẽ chỉ thiếu một số cô gái miền sơn cước. Tôi nghĩ đó cũng là dự định của anh vào thời gian này. Nhưng ý tưởng chưa thực hiện được thì anh đã nằm bệnh viện. Sau này, thỉnh thoảng anh điện thoại cho tôi, hỏi thăm cây cỏ hoa lá, nhưng tiếng anh khào khào qua điện thoại, chỉ được vài câu rồi con anh phải “phiên dịch” lại.

Trước ngày anh ra đi, tôi vẫn nhận được tin tức anh qua điện thoại. Vài ngày trước khi mất, các con anh nói bây giờ anh chỉ “bút đàm”, tức là chỉ nói chuyện bằng giấy bút, chứ không nói được. Mới hôm trước ngày 25-9, được tin anh ra khỏi phòng cấp cứu. Trưa hôm sau, 13 giờ ngày 26-9-2007, được tin anh mất trên đường từ bệnh viện về nhà. Tôi cấp tốc thông tin đến bạn bè khắp nơi. Một số bạn nhanh chóng hồi âm và giao cho tôi nhiệm vụ thay mặt đi phúng điếu, chuyển lời phân ưu đến tang quyến.

(Văn Quang)

Nói lái trong dân gian

Trong dân gian, hầu như ở miền nào cũng có nghe truyền tụng những câu nói lái, câu đối, hay với hò về...

Một câu hò ở Nam bộ, giải rõ ra thì tục, nhưng mới nghe qua khó nhận thấy :

Thần lẩn đeo cột thần lẩn trốn

Cá nằm trong đặng, cá mắc kẹt đặng

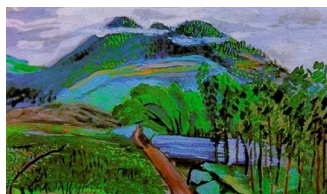
Anh với em nhân ngãi đồng bằng

Dù xa duyên nợ nhưng cột lẩn đừng xa

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Quang Dũng : *Vẽ*

Quang Dũng vẽ khổ sở lắm. Anh có dắt tôi về nhà xem tranh của anh. Ôi! nói tới cái nhà của Quang Dũng, thiệt là đau khổ. Có lẽ Quang Dũng và Kim Lân là hai nhà văn có cái nhà... "*sang trọng*" nhất Hội Nhà văn! Tuy vậy anh vẫn có chỗ để vẽ.



(Ba Vì tranh bột màu)

Tôi không còn nhớ những bức tranh nho nhỏ anh vẽ trên bìa các-tông lượm ở đâu thì phải chứ không vẽ trên lụa trên vải bố hoặc trên giấy “căn-xông” của giới hội họa. Quang Dũng bảo tôi: “Vẽ cảnh vật nhưng không chỉ vẽ cảnh vật mà mượn cảnh vật để tả cái tình của mình đối với cảnh vật!”. Chao ôi! lạ lùng thế ư?

Nghèo đến thế cơ mà. Mà lại đông con. Quà sáng anh ít khi ăn, có chăng một cù mì luộc. Tôi có mời, anh lắc đầu: Mình vừa ăn xong! (Có lần Kim Lân thú thật với tôi: Thèm phở quá, lãnh lương xong ghé mậu dịch làm một tô. Xong, thấy mình "có tội" vai vợ con!) . To như anh mà ăn một củ mì có khác gì cọp ăn bù mắc.

(Xuân Vũ)

Câu đố dân gian

Hai anh cùng giống cùng nòi
Anh thích ngồi trốn, anh đòi công chơi
Gió sương, mưa nắng mặc trời
Từ xưa vốn bạn không rời nhà nông
(cái nón và cái tơi)

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Quang Dũng : *Thơ*

Một hôm anh cho tôi xem mấy bài thơ. Cho xem xong anh vội cất nhanh như sợ tôi hỏi thêm gì nữa. Có lẽ anh không muốn nói gì thêm. Nhưng trông anh buồn lắm. Bây giờ ngồi viết những dòng này tôi cũng buồn lắm. Mấy chục năm sau, khi sang Hoa Kỳ tị nạn CS tôi đọc thấy trên một tờ báo Việt ngữ, mới té ngựa ra. Mấy bài thơ trên báo chính là thơ của Quang Dũng cho tôi xem hồi trước.

Quang Dũng đã làm thơ mà tôi không ngờ. Cũng như nhờ tờ báo này mà tôi biết được Quang Dũng là một cán bộ quân sự cấp Trung đoàn từng chỉ huy Trung đoàn Tây Tiến, đã từng sang học trường Quân sự ở Trung Hoa và đã từng chỉ huy khu Vân Nam.

Vậy mà ở tòa soạn báo Văn nghệ người ta chỉ thậm thụt với nhau nói về Quang Dũng như một tên phản động (*) được đảng khoan hồng, tề hơn nữa, là *bí thư của Nguyễn Tường Tam*.

Tôi không biết tôi xa Quang Dũng lúc nào? Có lẽ lúc sắp bị tổng đi Trường Sơn thì phải. Chừng 10 năm trước tôi đọc báo Hà Nội thấy nói Quang Dũng đau nặng không có thuốc men chi cả, không còn nói được, chỉ nằm chờ chết.

Vậy là hết một đời nghệ sĩ tài hoa. Quang Dũng đã nằm yên dưới mộ với *Đôi Mắt Người Sơn Tây*, với *Đôi Bờ* và những văn thơ bất hủ trung kháng chiến được lưu truyền ra tận hải ngoại. Rất tiếc tôi quen với Quang Dũng ít quá.

(Xuân Vũ)

(*) Phụ đính: Theo nguồn khác khi nhà thơ Quang Dũng nằm liệt giường, anh em văn nghệ xin Tổ Hữu cho nhà thơ vào bệnh viện lớn nhưng “đao thủ phủ” Tổ Hữu...lắc đầu.

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Một cô làm chẳng lên non
Ba cô chụm lại...mỏi mòn lỗ tai

Về khúc Tống biệt

Ở Việt Nam ta thì có chuyện Từ Thức:

Từ Thức người Tống Sơn, (*Thanh Hóa*), làm tri huyện Tiên Du (*Bắc Ninh*), nhân đi chơi hội đã cời áo gấm giúp một cô gái xinh đẹp gặp tình huống éo le. Thời gian sau chàng từ quan, tìm thú vui nhàn tản. Một lần ra cửa biển Thần Phù (*Ninh Bình*), Từ Thức đi qua núi và thấy một chiếc động, được động chủ gả cho Giáng Hương, chính là người chàng đã cứu thuở nào.

Sống với nhau được một năm, Từ Thức nhớ nhà, xin được về thăm. Cảm thông nỗi niềm của chồng, Giáng Hương sắm xe và gài sẵn phong thư kín nói lời ly biệt. Khi đến quê, tất cả đều đổi thay, Từ Thức hỏi một cụ già râu tóc bạc phơ thì mới biết đó là cháu nội của mình. Chàng đã đi quá lâu. Từ Thức muốn trở lại cõi tiên với vợ, nhưng chẳng còn dịp may ...trước cửa động Từ Thức, bây giờ dây leo chằng chịt đan kín.

Ở bài *Tống Biệt*, tác giả chỉ nói đến cảnh chia biệt đầy lưu luyến của Lưu-Nguyễn với 2 nàng Tiên, hay là Từ Thức với Giáng Hương để qua đó thâm gửi gắm "Niềm thương tiếc của mình đối với cái đẹp không bao giờ có thể tìm lại được, nếu không biết giữ gìn, để qua đi mai một".

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Lời nói không mất tiền mua
Tha hồ mà nói đừng...thua câu nào

Hẻm Hồ Biểu Chánh

Hẻm Hồ Biểu Chánh từ ngoài đường Công Lý ngang qua đường Nguyễn Huỳnh Đức. Tôi hiểu tại sao tên Hồ Biểu Chánh lại được đặt cho con hẻm nhỏ bé và khiêm tốn đó, vì chính tại đây có quán Lá, một quán nhậu nổi tiếng về món cá trui, tôm nướng....Cách quán Lá không bao xa, sau vài căn nhà, sau vài lùm cây là nhà *Hồ Biểu Chánh*, nơi *Hồ Biểu Chánh* đã sống, và đã qua đời ở đó.

Bây giờ nhớ lại, nếu tôi không tới đó trong một lần nhậu thì nào tôi có biết nằm ở đâu đó, trong khu nhà yên tĩnh là:

Nơi Hồ Biểu Chánh đã sống, đã viết và đã chết.

(Từ đó đến nay – Dương Nghiễm Mậu)

Đường phố mang tên các bà

Ông Thi Sách và Hai Bà Trưng chạy song song với nhau chợ tới mé nước, và không bao giờ gặp nhau cả, đó cũng là một điểm đáng buồn cho cặp vợ chồng ấy.

Ông Nguyễn Thái Học mà còn ngậm cười được vì đã gặp Cô Giang, Cô Bắc ở hai ngã ba chợ Cầu Muối, đằng này ông chồng Bà Trưng chỉ nghe văng vẳng tiếng bà đâu đó thôi.

Bà Sương Nguyệt Ánh cũng không bao giờ đi thăm cha được, vì bà ở xóm Bùi Chu, còn cụ đồ lại qui điền mãi tận bên Tân Định.

Vị nữ anh hùng thứ nhì của ta, Bà Triệu cũng bị ta quên mất vì bà cũng ở xóm ngoại nhân, trong Chợ Lớn.

Tuy nhiên, cũng phải nhìn nhận rằng đô thành đặt tên rất khéo, Công chúa Huyền Trân ở một căn phố buồn hiu, sau dinh Độc Lập, buồn như con đường thiên lý ngàn dặm băng rừng đưa công chúa từ Việt sang Chiêm.

(Phố của thành phố: Nhân Loại – 1957 Bình Nguyên Lộc)

Tên đường phố Sài Gòn năm 1956 - 1

Trong những năm làm việc tại tòa Đô chánh Saigon, tôi có dịp góp phần trông coi việc xây dựng và tu bổ đường xá Sai Gòn, Chợ Lớn. Hàng ngày họp với các ông cai lục lộ phụ trách từng khu vực, nghe báo cáo đường thì ngập nước sau cơn mưa, đường thì có ổ gà, nhựa đường tróc hết tro lớp đá xanh đá đỏ nền đường, đường thì dân xây cất trên lộ giới tràn ra lề đường, nên tôi gần như thuộc lòng tên hơn 300 con đường.

Qua bao nhiêu năm lịch sử của thành phố, hầu hết đều có tên Tây như Boulevard Charner, Boulevard Gallieni, Boulevard Norodom... Sau hiệp định Genève tháng 7 năm 1954 chính quyền Pháp bàn giao cho chính phủ Bảo Đại, với Thủ tướng Ngô Đình Diệm. Để đánh dấu

việc dành độc lập từ tay người Pháp, toà Đô Chánh Sài Gòn được lệnh gấp rút thay thế toàn bộ tên đường từ tên Pháp qua tên Việt trong khoảng thời gian ngắn nhất.

Việc đổi chiếu tên các danh nhân trong lịch sử 4000 năm để đặt tên đường sao cho hợp lý không phải dễ. Lúc bấy giờ công việc này được giao cho ty Kỹ thuật mà phòng Hoạ đồ. May mắn thay có được nhà văn Ngô Văn Phát, bút hiệu Thuận Phong, có bằng cán sự Điện địa lúc ấy đang giữ chức trưởng phòng Hoạ đồ.

Năm 1956, sau hơn ba tháng nghiên cứu, ông đã đệ trình toàn bộ danh sách tên đường ấy đã được chấp thuận. Khi tôi vô làm năm 1965 và hàng ngày lái xe đi công trường, đụng chạm với các con đường mới cảm nhận được sự uyên bác về lịch sử của ông. Nhìn những tên đường trên hoạ đồ, đường nào tên gì và vị trí gắn bó với nhau, càng hiểu được cái dụng ý sâu xa của tác giả.

(Sài Gòn chuyện đời của phố - Nguyễn Văn Luân)

Sông Thị Nghè (hay rạch Thị Nghè)

Sông Sài Gòn từ xưởng Ba son chảy lòng vòng vào Sài Gòn. Qua sở thú có *cầu Thị Nghè 1* bắc ngang sông gọi là...*rạch Thị Nghè*.

Đến đoạn cầu Bông gọi là sông cầu Bông. Rồi chảy tới cầu Kiệu vẫn là...sông cầu Kiệu. Nhưng từ cầu Công Lý tới cầu Trương Minh Giảng lại gọi là...kinh Nhiêu Lộc.

Tên đường phố Sài Gòn năm 1956 - 2

Các đường được đặt tên với sự suy nghĩ rất lóp lang mạch lạc với sự cân nhắc đánh giá bao gồm cả công trạng từng anh hùng lại phù hợp với địa thế có sẵn từ trước. Tác giả đã cố gắng đem cái nhìn vừa tổng quát lại vừa chi tiết, những khía cạnh vừa tình vừa lý, đôi khi chen lẫn tính hài hước, vào việc đặt tên hiếm có này. Tôi xin kể ra đây vài thí dụ, theo sự suy đoán riêng của mình, bởi vì ông có nói ra đâu, nhưng tôi thấy rõ ràng là ông có ý ấy:

Đầu tiên là những con đường mang những lý tưởng cao đẹp mà toàn dân hằng ao ước: Tự Do, Công Lý, Dân Chủ, Cộng Hoà, Thống Nhất. Những con đường hoặc công trường này đã nằm ở những vị trí thích hợp nhất.

Đường de Lattre de Tassigny chạy từ phi trường Tân Sơn Nhất đến bến Chương Dương đã được đổi tên là Công Lý, phải chăng vì đi ngang qua Pháp đình Sài Gòn. Con đường dài và đẹp rất xứng đáng. Ba đường Tự Do, Công lý và Thống Nhất giao kết với nhau nằm sát bên nhau bên cạnh dinh Độc Lập.

Những danh nhân có liên hệ với nhau thường được xếp gần nhau như Nguyễn Thái Học với Cô Giang và Cô Bắc, cả ba là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Yên Bái. Hoặc đường Phan Thanh Giản với đường Phan Liêm và đường Phan Ngữ, Phan Liêm và Phan Ngữ là con, đã tiếp tục sự nghiệp chống Pháp sau khi Phan Thanh Giản tuấn tiết.

Những đại lộ dài nhất được đặt tên cho các anh hùng Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Toản, Hai Bà Trưng. Mỗi đường rộng và dài tương xứng với công dựng nước giữ nước của các ngài. Đường mang tên Lê Lai, người chịu chết thay cho Lê Lợi thì nhỏ và ngắn hơn nằm cạnh kề với đại lộ Lê Lợi.

Đường Khổng Tử và Trang Tử trong Chợ Lớn với đa số cư dân là người Hoa.

(Sài Gòn chuyện đời của phố - Nguyễn Văn Luân)

Sài Gòn một chút quán xá

Bánh mì xe

Sài Gòn là nơi khai sinh ra bánh mì thịt: một món ăn của đường phố, một món ăn của vỉa hè với nét độc đáo riêng biệt, không phải nơi nào cũng có thể có được! Sáng, trưa, chiều hay tối, ngồi lê đường, nhai ổ bánh mì, uống ly cà phê, ngắm giòng người và xe cộ qua lại là một thói quen của người Sài Gòn. Bởi vậy, một trong những đặc điểm của Saigon là có vô số kẻ các xe bánh mì lê đường hiện diện ở bất cứ đầu con hẻm nào, ở bất cứ đầu con đường nào, ở bất cứ giờ nào trong ngày, ở bất cứ địa điểm nào trong thành phố: trường học, nhà thương, công sở, bến xe.

Ta đọc đoạn văn sau đây nói về những xe bán bánh mì Sài Gòn:

“Như bánh cuốn, phở, xôi, bún, bánh mì là thức ăn không thể thiếu dân Sài Gòn. Bánh mì là thứ người ta có thể ăn mọi lúc, ở mọi chỗ. Bánh mì có mặt suốt ngày, từ sáng tinh sương đến đêm khuya, và dễ dàng tìm thấy ở bất cứ đầu đường, góc phố nào của Sài Gòn. Đêm khuya khi những tiệm ăn đã đóng cửa, không còn hủ tíu, phở, chè thì xe bánh mì với ngọn đèn leo lét vẫn một mình thức trên vỉa hè đón đợi những khách cần ăn khuya.

“Tôi có anh bạn nhà văn từ Hà Nội vào Sài Gòn chơi. Được dăm ngày, một buổi sáng, khi đang ngồi cà phê vỉa hè, anh chợt đưa ra nhận xét: “Sài Gòn có cái bánh mì là lạ nhất”.

Tôi chưa hiểu. Anh giải thích:

“Ở Hà Nội, người ta cũng bán bánh mì nhưng là để trong cái thùng, bưng đi dạo khắp nơi, ai kêu thì ghé lại. Còn ở Sài Gòn, một người bán bánh mì, mỗi bữa dẫu chỉ bán chục cái bánh cũng có một cái xe lắp kính hẳn hoi...”.

À, thì ra cái lạ là ở chỗ “cái xe có kính” rất ư đàng hoàng tử tế ấy.

Chưa hết, bánh mì Sài Gòn còn rất ngon và có nhiều sự lựa chọn. Ngán thịt, sợ phì thì kêu bánh mì bì. Muốn bụng nhẹ, mau tiêu thì gọi bánh mì cá. Thích bồi dưỡng một chút thì “đủ thứ”. Còn chỉ cần đủ dinh dưỡng thì “trứng ốp-la.



Xe bánh mì thường bao giờ cũng có chiều ngang chừng tám tấc đến một thước, rộng chừng năm – sáu tấc. Nửa trên ba phía là kính, trưng nào bánh, nào thịt, nào gia vị để nhận vào ổ bánh. Nửa dưới đóng kín thường có một bếp than. Bánh lúc nào cũng nóng. Bánh nhận đủ sắc màu ẩm thực quốc tế bên trong: Xíu mại, thịt quay, páté, xá xíu, lòng heo, lòng bò khía, phô mai, thịt ba rọi,... Nhiều xe bánh mì trông đơn sơ vậy, nhưng nổi tiếng cả vài chục năm, ngay một góc đường...

(Bánh mì Sài Gòn theo giòng thời gian – Xuân Phương)

Xóm Gà

Sở dĩ có tên Xóm Gà là vì nơi đây là *trường đá gà*, chứ không phải nuôi gà nhiều. Tôi không thấy ai nuôi gà nhiều ở đây.

Ông cố kể lại trước đây, đức tả quân Lê văn Duyệt Tổng Trấn Gia Định thành rất thích đá gà, và ở vùng Saigon- Gia định có nhiều trường gà, trường gà lớn ở Quận 1 Sài Gòn, nghe nói gần dinh Độc Lập, bây giờ là Hội trường Thống Nhất và nhiều trường gà nhỏ, một ở Xóm Gà. Đức tả quân thường đến trường gà lớn để chơi đá gà. Mộ đức tả quân và phu nhân hiện nằm trong khu Lăng Ông ở Bà Chiểu (gọi tắt là Lăng Ông Bà Chiểu)

(Y Nguyên-Mai Trần)

Sài Gòn một chút quán xá

Xe bánh mì Tám Lự, quán Thanh Bạch

Đối với tôi, một món cũng thuộc loại “khoái khẩu” ở Sài Gòn là... bánh mì thịt nguội, trong đó có cả jambon, xúc xích, patê ăn kèm với sốt mayonaise và đồ chua. Bánh mì thịt nguội ăn sẽ ngon hơn nếu bạn có thì giờ ngồi nhâm nhĩa tại tiệm: các loại thịt bày trên đĩa trắng tinh kèm thêm một cục sốt bên cạnh dao, nĩa sạch bóng. Bẻ một miếng bánh mì còn nóng, trét sốt lên trên rồi một lớp patê, sau đó cắt một miếng jambon...đưa vào miếng. Tuyệt cú mèo!

Xe bánh mì Tám Lự gần chợ Bàn Cờ chỉ bán từ sáng tối đến đêm khuya. Một ổ bánh mì Tám Lự dài cỡ 4 tấc, hai gang tay, tối ăn vào no đến sáng. Bánh mì ngon, ngoài patê chả lụa, patê foie, bơ Bretel còn thêm dưa leo, ngò, hành lá, nước tương, muối tiêu, ớt xắt. Ngày xưa khách chỉ cần nói: “Cho *một tàu lặn hay một tiệm thủy đình* đi, anh Tám” là khách sẽ có ngay một ổ bánh mì nóng giòn, thơm phức.

Nếu muốn sang hơn thì lên bánh mì Pâté tòa Đô chính trên đường Nguyễn Huệ hay ngồi ở quán Thanh Bạch đường Lê Lợi (gần bệnh viện Sài Gòn). Chỉ cần gọi đĩa bánh mì thịt nguội kèm theo một ly cà phê sữa đá là đủ no cho đến trưa. Thanh Bạch là nơi vừa ăn sáng vừa ngắm cảnh của người Sài Gòn. *Sài Gòn xưa có hai tiệm Thanh Bạch*, một ở đường Lê Lợi, bên rạp xi-nê Vĩnh Lợi. *Tiệm Thanh Bạch thứ hai ở đường Phạm Ngũ Lão*, trong dãy phố trệt dưới tòa soạn nhật báo Sài Gòn Mới năm xưa.

Ngoài bánh mì ốp-la, ô-m-lết, thịt nguội, Thanh Bạch có *bánh mì bò kho*, hủ tít và đặc biệt là món suông. Bún suông dùng xương heo để nấu nước lèo, và đặc biệt ở đây là dùng tôm tươi lột vỏ, bỏ đầu, băm nhuyễn sau đó vo lại thành sợi dài (như sợi bún). Nước lèo ở đây rất trong, ăn kèm với rau sống... Nhà hàng Tài Nam trên đường Ohier (Tôn Thất Thiệp) nổi tiếng với món đuông chà là chiên bơ rất ngon nhưng cũng rất mắc tiền. Theo nhà văn Sơn Nam, vua chúa cũng còn thêm *“con đuông chà là,”* tên chữ là “hồ đa tử”. Hồ đa là cây dừa rừng, tức cây chà là hoang thường mọc miền nước mặn Nam bộ, giống như cây cau kiểng.

Cây dừa rừng có “củ hũ,” tức đọt non, sau Tết thường xuất hiện con đuông, giống như con nhộng. Đuông ăn đọt dừa non nên to, mập và thường được bắt trước khi nở thành bướm. Sơn Nam viết: “Đem đuông nướng trên vỉ sắt, cho héo rồi ăn, chấm với nước mắm nhĩ nguyên chất. Con đuông béo ngậy vì tăng trưởng, ăn ròn củ hũ cây chà là”...

Nếu nói bánh mì đi theo ta suốt quãng đời đi học cũng không phải là nói quá! Còn bây giờ anh khác thằng nhóc lắm

Ngồi xồm lan can và gặm bánh mì
Chờ áo trắng tan trường ời áo trắng
Anh trải thơ tình để lót bước em đi
(Bùi Chí Vinh)

(Nhớ lại món ngon Sài Gòn ngày trước - Nguyễn Ngọc Chính)

Chữ nghĩa làng văn

Để biết qua cách viết văn sử của Tạ Chí Đại Trùng, hãy thử đọc một đoạn nói về chuyện cây thuốc lá xâm nhập Việt Nam:

“...Chỉ biết cây thuốc lá, mà Lê Quý Đôn biết gốc gác từ Philippines: ‘tạm-ba-cô,’ thấy ở Nam Trung Hoa, đến Đàng Ngoài qua ngã Lào (1660) được ‘quan, dân, đàn bà con gái đua nhau hút,’ khiến cho hai lần lệnh cấm 1665 không mang lại hiệu quả.

Sự mê đắm đó tập trung vào một dạng đặc biệt của cây mê thảo này với tên riêng: ‘thuốc lào,’ thực sự thêm một lối giải trí ngoài rượu chè, cờ bạc bị cấm đoán, đã đem lại cho đám dân cực nhọc những giây phút quên lãng cuộc đời khốn khổ. Và cho cả những người của tầng lớp

quan quyền một chút ảo vọng về con đường công danh gặp ghèn, có khi đầy cay đắng với những rủi ro bất thường từ sấm sét trên cao, cùng lúc với những xung đột kèn cựa từ các đồng liêu của nhiều nguồn gốc đào tạo, thăng tiến... Các chúa Đàng Trong có vẻ cũng không từ bỏ lạc thú này vì cuối thế kỷ sau, chàng thanh niên Nguyễn Ánh, sau hồi vong gia thất thổ trở về dựng nghiệp ở Gia Định, đã có riêng một toán người đặc trách ‘hầu điếu.’”

(Tạ Chí Đại Trường, người viết ‘văn sử’ – Trần Dỗan Nho)

Từ điển và từ ngữ Việt Nam

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

Cửa Phật. nơi thờ Phật

Cửa Phật là *chốn tu hành* (theo Phật giáo) chứ đâu chỉ là «nơi thờ Phật».

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Sex ở Việt Nam thời nhà Mạc

Được sự hỗ trợ của các cuộc lật đổ và nổi dậy của nhà Hồ, thời nhà Mạc xã hội Việt Nam được giải phóng để bước vào thời đại phục hưng với các cá nhân, tự do được đề cao. Thời nhà Mạc văn hoá dân gian rất thịnh. Hầu hết những tác phẩm kiến trúc, điêu khắc đẹp nhất trên đồng bằng Bắc bộ hiện nay phần lớn đều hình thành dưới thời nhà Mạc

Vì vai trò cá nhân được đề cao, trên mỗi sản phẩm đồ gốm, tên người thợ, nghệ nhân làm ra nó được ghi rõ dưới đáy sản phẩm, điều chưa hề có trước đó và sau này, kể cả trên đồ gốm sứ Trung Quốc. Chiếc đĩa trong con tàu đắm ở vùng biển Cù Lao Chàm cũng ra đời trong hoàn cảnh này. Ở Việt Nam ta tiếc thay, những tiền đề dưới thời nhà Hồ, nhà Mạc ấy đã bị dập tắt, lụi tàn dần để quay trở lại chế độ phong kiến dưới thời nhà Lê hà khắc hơn, bảo thủ hơn. Hà khắc bảo thủ đến mức đến bây giờ nhiều người vẫn cảm thấy ngại khi nhìn vào chiếc đĩa này.

Có quá ít dữ liệu để chúng ta hôm nay có thể hiểu thêm về những gì vẽ trên chiếc đĩa độc đáo này. Những nét vẽ nguệch ngoạc ấy như lưu giữ một thời thoáng đạt ngắn ngủi trong lịch sử dân tộc. Nó xứng đáng được lưu giữ trong bảo tàng bảo vật quốc gia.

(Trần Anh Tuấn ?)

Văn hoá chữ

Mọi nhà đã lên đèn. Tôi nằm chơi trên cái chõng tre giữa sân. Đúng lúc làng xóm đang yên tĩnh, ổn định, thì bài trường ca bắt đầu. Tôi nghe một lần là nhớ suốt đời như thế này:

“... Nếu mày có trót dại bắt con gà của bà, nghe bà chửi mà không khôn hồn thả nó ra, mà cả nhà cả ổ mày cứ húc đầu vào ăn cho đầy miệng, thì bà *cho chúng mày ăn cái máu l..., rớt l... của bà đây này* (lúc này bà khế rướn người lên, hai đầu ngón tay khế nhúm chiếc vá đập nâng lên phía trước). Mày tưởng mày có quyền có thể, có người làm ông nọ bà kia mà ăn hiếp gái già này à? Cứ ra mặt với bà xem! Bà thì *cứ... dứt cái lông l... thứ tám*, bà chẻ tằm làm tơ, bà trói cổ cái ông tổ năm đời mười đời nhà mày lại, bà *vẫn còn thừa cái nút hậu...*”

Lạ chưa? Cái lông thứ tám? Bà cô tôi phải đánh số để tiện việc...chửi?

(Nguồn: Khuyết danh)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Tín ngưỡng phồn thực

Tín ngưỡng phồn thực được biểu đạt tùy theo phong tục của từng vùng mà có những cách làm và thờ những hình "giống" khác nhau. Nhưng bên cạnh những tiểu dị ấy vẫn có những cái đại đồng của văn minh nông nghiệp lúa nước. Cơ quan sinh sản của nam và nữ được "hình tượng hóa" thành hai vật thiêng *linga và yoni*, được Việt hóa với cái tên *nỗ và nường*. Nỗ: khúc gỗ ngắn tượng trưng cho *sinh thực khí nam*, nói lên sức mạnh dương khí, sinh sản. Nường: mảnh gỗ hình tam giác có đục lỗ, tượng trưng cho *sinh thực khí nữ*, biểu thị sức chứa đựng.



Linga – Chàm Yonu - Chàm

Chất liệu nếu không là đá, gỗ, mo cau thì cũng là tre, lá dứa, mà cách điệu nữa là lúa, bột, gạo làm nên những biểu tượng khác nhau mang hàm nghĩa cho dương vật (*cột đá dựng đứng, cột trụ tròn, cây bông, cây gậy, lưỡi cày, sừng trâu, chiếc bánh chưng dài...*) và âm vật (*khe đá, bánh dày, lỗ tròn hoặc vuông...*), biểu hiện cho sức mạnh về sinh sản hoặc mang yếu tố phồn thực được sùng bái trong *Hindu giáo và tín ngưỡng dân gian*.

(Đặng Hoài Thu)

“Áo từ”, “ấn từ” hay “biển từ” trong tiếng Việt? 1

Một số từ vựng trong ngôn ngữ Việt Nam, tôi tạm *cúng cơm*, đặt tên cho chúng là "áo từ", "ấn từ" hay "biển từ" cho... tiện. Nói chung là những từ "nghe vậy nhưng không phải vậy".

Chẳng hạn như từ "chớ" trong phương ngữ miền Nam.

"*Chớ*"; thoát tiên, là từ đồng nghĩa với "*chứ*" theo cách nói của người phương Bắc. Hãy nghe lời thề non hẹn biển của đôi tình nhân trai Bắc gái Nam: "Sao em lại nghĩ thế, anh yêu em lắm *chứ*". Nếu chàng gốc gác Nam kỳ, thì câu nói sẽ khang khác: "Nói tầm bậy nà, anh thương em lắm *chớ*".

Thì ra, "chứ" hay "chớ" từ vị trí khẳng định trong "lắm chứ" hay "lắm chớ" đột nhiên biến thành "chớ" mang *nghĩa phủ định*, có nghĩa như "đừng", nhưng "yếu" hơn, gần như "không nên".

Như khi cụ Đồ Nguyễn Đình Chiểu cho chàng Lục Vân Tiên, sau khi đánh đuổi bọn cướp đường, lên tiếng khí khái cản ngăn nàng Kiều Nguyệt Nga toan rời kiệu hoa:

"*Khoan khoan ngồi đó chớ ra*"

bởi vì

"*Nàng là phận gái, ta là phận trai*"

Khi ai đó nói: "Với anh, chuyện gì tôi cũng làm, *chớ* chuyện cho anh mượn tiền, tôi chịu thua".

Thêm lần nữa, "chớ" thay xiêm đôi áo, không khẳng định hay phủ định gì ráo, mà đâm ra lưỡng lự và biến dạng tương tự như "còn".

Nguyên nhân gì xui khiến "chớ" thay lòng đổi dạ chóng vánh như vậy, thú thật, tôi không rõ.

(Ngô Nguyên Dũng)

Chữ Việt cổ

Chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã biến mất trong từ vựng hiện đại

Thạp/ *khạp*: đồ đựng bằng *đất nung*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

Tiếng Việt không đơn giản - 1

Hỏi: hôm qua đi chùa, một vị sư giảng có câu : "*Sắc không không sắc sắc thị không*", nghĩa là gì vậy? Xưa nay chỉ nghe câu "*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*", phải chăng nghĩa là phàm vật chỉ có sắc tướng đều là vật tạm, phải có một ngày hư nát?

Đáp: Không hiểu!

Hỏi: hai chữ "*Sắc Không, Không Sắc*" người ta thường lẫn lộn nói rằng "*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*". Vậy 2 câu này là gì?

Đáp: Không thông!

(Nguồn ĐatViet.com)

Tó táy

Tó táy : *luôn tay tìm tòi*, cựa quậy

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Tiếng Việt không đơn giản - 2

Hỏi :trong truyện Kiều có câu:

"*Thiều quan chín chục đã ngoài sáu mươi.*"

Thiều Quang là gì, và câu đó có nghĩa là gì vậy?

Đáp: Thiều quang là quang cảnh đẹp đẽ của mùa xuân hay ánh mặt trời của mùa xuân. Câu đó có nghĩa *mùa xuân có 90 ngày thì hôm đó đã là sáu mươi mấy ngày rồi...*

Có một câu khác ngay ở phía trên câu đó:

"*Thanh Minh trong tiết tháng hai " đã nói rõ cái thời điểm đó.*"

(Nguồn ĐatViet.com)

Bia cây số

Bất cứ gì khắc trên bia phải thận trọng như bia cây số *quy ước chung là viết đơn vị đo lường và số cách nhau một khoảng trống.*

Không nên viết 14Km mà viết đúng là 14 Km.

(Nguyễn Văn Tuấn)

Phố Tản Đà

Còn cái phố có nhiều tiệm mì, tiệm ăn và tửu lâu trong Chợ Lớn mà đặt tên là phố Tản Đà thì tuyệt diệu bởi vì Tản Đà không phải là thi sĩ mà thôi, lại còn là...*thực sĩ* nữa.

(Phố của thành phố – 1957 Bình Nguyên Lộc)

Viết hoa

Ngay trong khái niệm danh từ riêng như tên của một người, có hai trường phái đối nghịch: Cách thứ nhất: viết hoa tất cả chữ trong tên người: Nguyễn Văn Tốt hay Lê Thị Mùi.

Cách thứ hai: viết hoa họ và tên, vì hai chữ đệm trong tên “văn” và “thị” dùng để xác định giới tính nam hay nữ của người mang tên ấy, không thuộc về “họ” mà cũng không thuộc về “tên”, nên không cần phải viết hoa: *Trần thị Toét* hay *Lê văn Bường*.

(Nguyễn Văn Tuấn)

Những cái cũ & xưa nhất của Saigon



Nhà thờ cổ nhất

Nhà thờ Chợ Quán tại 20 Trần Bình Trọng, xây dựng từ năm 1674 là nhà thờ cổ nhất tại Sài Gòn và cổ nhất ở miền Nam. Ngôi thánh đường có kiến trúc kiểu phương Tây, lợp ngói đỏ, có thể chứa khoảng 1000 người. Trải qua hơn 3 thế kỷ, nhà thờ Chợ Quán đã được trùng tu nhiều lần.

Đã có một thời...

Vĩnh biệt họa sĩ Thái Tuấn

Những người “anh em cũ”

Tôi đáp chuyến xe đò vào sáng sớm về Sài Gòn. Khi tôi đến nơi đã là gần trưa, 3 người con trai của anh Thái Tuấn đón sẵn, đưa vòng hoa của các bạn ở nước ngoài và chúng tôi vào bên bàn thờ người quá cố. Những cái tên rất quen của “làng văn, làng báo Sài Gòn những ngày xưa”, tôi không thể kể hết.



Người con đầu của Thái Tuấn đã ngoài 60, Thái nắm tay tôi kể:
– Bác Tú Duyên và bác Mạnh Đan vừa ở đây về thì chú tới.
Anh Tú Duyên năm nay đã 92 rồi nhưng vẫn còn khỏe mạnh.

(bức Trần Bình Trọng của Tú Duyên)

Thái đưa cho tôi xem mấy hàng chữ của họa sĩ Tú Duyên vừa ghi trong cuốn sổ lưu niệm. Nét chữ mới chỉ hơi run, nhưng lời lẽ thì vẫn còn rất trẻ: Anh viết: “Cầu cho linh hồn họa sĩ yên vui. Còn tôi hơn bỏ 2 tuổi còn ngồi đây viết những lời như thế này. Thân chào linh hồn họa sĩ”. Đồng nghiệp Tú Duyên. Ngày 27-9-2007”.

(Văn Quang)

Đừng tưởng

Ờ đời nhân nghĩa làm đầu
Thủy chung sau trước, tình sâu, nghĩa bền.
Ai ơi nhớ lấy đừng quên...

(Bùi Giáng)

Đã có một thời...

Đi tìm ông nặn tượng



Nhà điêu khắc đang làm gì?

Chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn nhỏ được tạo hình bằng một gốc cây. Anh Thu bắt đầu tâm sự: “Tôi về Việt Nam hai năm rồi đấy, chứ không như dư luận cho rằng tôi mới về để... làm một cái gì đó”.

Thái Phương hỏi thẳng thừng:
– Không phải để dựng lại tượng Tiếc Thương sao?

Nguyễn Thanh Thu cười hà hà, có vẻ khoái chí vì câu hỏi thẳng thắn này. Anh bật người ra phía sau, hất hàm hỏi lại:

– Ai cho làm mà làm?

Thái Phương gắng tiếp:

– Nhưng anh có ý định đó không?

– Tôi về đây hai năm rồi với một hoài bão khác. Người nghệ sĩ chỉ sáng tạo một lần. *Lần thứ hai không thể làm như lần thứ nhất*. Nhưng nó sống được trong lòng mọi người thì tự nó còn mãi. Tôi tự hào về tác phẩm này. Dựng lại là một điều chẳng hay ho gì. “Nó” sống trong lòng mọi người là đủ.

Chúng tôi hiểu ý anh, nhưng thật tình sống ở đây lâu, chúng tôi biết, có những điều mà những người như anh Thu hơi ngại, cần phải... “giữ mình”. Chúng tôi cũng chẳng khác gì anh. Tôi thông cảm dễ dàng, tuy nhiên cũng cố moi xem anh Thu có gặp trở ngại gì trước những dư luận đó không. Anh lắc đầu:

– Chẳng có gì đáng nói cả. Thật sự là tôi có một hoài bão đã ấp ủ từ lâu chứ chẳng phải là bây giờ mới có. Một bức tượng nói về *cuộc sống của người dân đồng bằng sông Cửu Long*. (*)

(*) xem kỳ tới bức tượng nói về cuộc sống của người dân đồng bằng sông Cửu Long : *Bức tượng một thôn nữ*

(Văn Quang)

Chữ nghĩa lơ mơ lổ mổ

Hữu duyên thiên lý i-meo lại,
Vô duyên đối diện cãi nhau hoà

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Hoàng Cầm: "Hoàng cầm bán rượu lậu"

Ở ngoài đó người ta hành hạ xỉ vả Hoàng Cầm dữ lắm. Một lần nọ vì Hoàng Cầm mở quán rượu để kiếm sống bị công an "mời". Hoàng Cầm đã chết vợ từ lâu, tôi không biết năm nào, nhưng đọc báo thì thấy nói như thế. Anh còn được đưa con gái chạy tăn chạy tảo nuôi cha, nhưng không hiểu vì sao vợ chết không lâu anh lại mất luôn đứa con gái. Cụt mất nguồn sống và nguồn tình cảm, anh suýt gục ngã, nhưng cũng may, anh gượng đứng được và sống đắp đổi qua ngày nhờ cái quán. Bài báo mà tôi được đọc không nói rõ quán ở nơi nào? Tuy vậy bạn bè cũ và khách mới đến cũng khá khá. Thấy anh dễ thở người ta bèn kiếm chuyện. Người ta "mời" anh lên đồn "làm việc".

Người ta bảo anh làm bản kiểm thảo. Anh nói: *"Tôi không biết làm kiểm thảo, tôi chỉ biết làm thơ!"*. Anh bị kết án ba tội. Tội thứ nhất là *tội bán rượu mà nhà nước cấm*. Tội thứ hai là *tội bán rượu không có môn bài*. Tội thứ ba là *quán rượu rù quyền khách làm ngưng trệ xây dựng xã hội chủ nghĩa*.

Vì chống viết kiểm thảo nên người ta bắt anh *quay mặt vô tường*... Báo không có nói là Hoàng Cầm phải đứng như vậy bao lâu, nhưng Hoàng Cầm vẫn không chịu viết kiểm thảo. Gan cóc tía như vậy nên anh được nhận một "dan dự" khác là *mang trên cổ một tấm bia cứng có dòng chữ "Hoàng cầm bán rượu lậu"* và lôi đi bêu riếu ngoài đường. Hoàng Cầm vẫn đi như thường.

Chưa hết đâu. Họ còn chụp ảnh, phóng to dán trên đường phố. Rồi họ lục soát nhà, lấy được tập thơ Kinh Bắc rồi không trả lại.

(Xuân Vũ)

Nói lái với thơ ca, hò vè

Yêu em từ độ...méo trời
Khi nào...méo đất mới rời em ra .

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Hoàng Cầm: "Đi tìm lá Diêu Bông"

Sau cái chết của vợ con, Hoàng Cầm có lúc đã trở thành lảm cẩm, quên trước quên sau. Có lúc nấu cơm xong, anh bới ra cho chó ăn hết rồi nhịn đói. Có khi ăn cơm xong lại đi nấu nồi khác rồi bỏ đó "để dành bộ đội tới thì tiếp tế". Ai hỏi tại sao nồi cơm còn đầy? Anh bảo: nồi này thuộc đời Ngũ Đế ăn hoài không hết. Nhằm lúc gặp anh đi ngoài đường, người ta hỏi anh đi đâu, anh cười: "*đi tìm lá Diêu Bông*". Anh bán rượu cho khách và bảo: *muốn ra thơ cứ cho rượu vào*. Tửu nhập, thi xuất.

Một hôm Phùng Quán tới thăm. Báo chỉ thuật lại mà không nói anh ở đâu. Phùng Quán hỏi: - Anh Hoàng Cầm có bài thơ nào mới làm cho em xin!

Hoàng Cầm lắc:

- Tôi không biết làm thơ
- Vậy lâu nay anh làm gì?
- Không làm gì hết!
- Nghĩ là sao?
- Nằm, ngồi, ngồi xong thì đứng dậy rồi đi. Chỉ có thể thì đâu gọi làm gì được!
- Đi đâu, sao không thấy anh lên Hà Nội?
- Chỗ nào *có lá Diêu Bông thì đi*. Hà Nội *không có lá Diêu Bông nên không đi!*
- Sao anh không làm thơ như trước?
- Không muốn làm nữa.

Hoàng Cầm không làm thơ nữa. Người ta chỉ muốn nhìn Hoàng Cầm như một tội nhân bán rượu lậu. Nhưng đâu có ai nhìn Hoàng Cầm với cặp mắt đó.

Hoàng Cầm không làm thơ cũng *như Thế Lữ*, kiện tướng Tự Lực Văn Đoàn, người mở đầu kỹ nguyên thơ mới Việt Nam, từ sau cách mạng tháng tám *đến chết không viết một câu thơ*. Cấp trên có hỏi, anh đáp: "*Tôi chưa chính được cái đầu nên chưa làm!*". Xưa Thế Lữ nổi tiếng vì làm thơ, nay *Thế Lữ lại nổi tiếng vì không làm thơ*. Ai cũng biết và tiếc Thế Lữ không làm thơ nữa. Xưa Thế Lữ học ai? Rồi tới Hoàng Cầm.

(Xuân Vũ)

Câu đố dân gian

Hai chân đứng,
Hai chân quỳ,
Cái bụng chì ì;
Cấm nói con cóc?
(con ếch)

144 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

"Nữ tướng" văn xuôi phải kể đến nhà văn Phạm thị Hoài. Hoài xuất hiện cùng với Nguyễn Huy Thiệp ở báo Văn Nghệ. Hồi đó tôi ở Sài Gòn ra, Dương Tường đưa tôi mấy truyện ngắn của Phạm Hoài Nam (tên mới ra lò của Hoài) dặn: "cậu đọc kỹ và nhận xét coi!". Đọc xong tôi mang trả Dương Tường và chẳng hiểu sao tôi lại phán như ông thầy đời: "Con bé này cứ đi

theo đường này nhất định là tắc tị...”. Mấy năm sau Phạm thị Hoài nổi như cồn với Thiên Sứ, Mê Lộ, Marie Sến... tôi thấy ân hận vì đã nhận xét bộp chộp. Hai chục năm sau nhớ lại thấy bốt áy nấy, vì suy cho cùng văn tài nào chẳng tới lúc... tắc tị?.

Sau này Phạm thị Hoài sang Đức làm Talawas, dẫn đàn văn học nghệ thuật bậc nhất. Tuy bận rộn Hoài vẫn viết tiểu luận, và vẫn viết hai truyện ngắn xuất sắc: “Cam Tâm” và “Ám thị”. Có lần về VN, Hoài tìm tới cơ quan tặng tôi cuốn Marie Sến. Tôi treo cuốn này ở ghi đông xe đạp vừa đạp vừa ngắm nghĩ về nó, tới lúc quẹo trái, mãi nghĩ bị xe máy phía sau tông hất bắn lên trời cả người lẫn sách, nằm liệt cả tháng, sau cứ nhìn thấy Marie Sến của Hoài *lại giết mình thon thót nghĩ tới lúc hút chết*.

Xuân Sách hiểu khá rõ Phạm thị Hoài:

Dẫu chín bỏ làm mười
hay mười hai cũng mặc
Chẳng ai dung thiên sứ đất này
Dụ đồng đội vào trong mê lộ
Rồi bỏ đi du hí đến năm ngày.

(Chân dung hay chân tướng nhà văn? – Nhật Tuấn) (*)

(*) Nhật Tuấn là em nhà văn Nhật Tiến

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Buồn buồn tự tử...chết chơi
Ai dè...chết thiệt buồn ơi là buồn

Về khúc Tống biệt

Tống biệt

Lá đào rơi rắc lối thiên thai,
Suối tiễn oanh đưa luống ngậm ngùi!
Nửa năm tiên cảnh,
Một bước trần ai,
Ước cũ duyên thừa có thể thôi!
Đá mòn, rêu nhạt,
Nước chảy, huê trôi,
Cái hạc bay lên vút tận trời!
Trời đất từ đây xa cách mãi.
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Ngàn năm thơ thần bóng trắng chơi.
(1922)

Tống Biệt là bài Từ khúc theo điệu *Hoa phong lạc*, rút từ vở chèo Thiên Thai, có thể coi là một bài toàn bích. Vì đây là vĩnh biệt (*từ đây xa cách mãi*), bài thơ có nhịp chân bước quyền luyến mà chậm rãi, dường như ung dung. Văn khí trong thơ thay đổi luôn, câu ngắn thì như nấc như nghẹn, câu dài thì như tiếng than não nuột của chia tay nhau giữa cảnh trời đất mệnh mông...

Tên đường phố Sài Gòn năm 1956

Bờ sông Sài Gòn được chia ra ba đoạn, đặt cho các tên Bến Bạch Đằng, Bến Chương Dương, và Bến Hàm Tử, ghi nhớ những trận thủy chiến lẫy lừng trong lịch sử chống quân Mông cổ, chống nhà Nguyên của Hưng Đạo Đại Vương.

Cụ Nguyễn Du, mà thầy đồ Thiệp, người dạy học vỡ lòng cho tôi, khi nói chuyện với cha tôi, bao giờ cũng gọi với danh xưng cụ Tiên Điền. Vậy phải tìm đường nào đặt tên cho xúng? Tôi thấy con đường vừa dài vừa có nhiều biệt thự đẹp, với hai hàng cây rợp bóng quanh năm, lại đi ngang qua công viên đẹp nhất Saigon, vườn Bờ Rô, thì quá xúng đáng. Không có đường nào thích hợp hơn. Tuyệt! Vườn Bờ Rô cũng được đổi tên thành vườn Tao Đàn làm cho đường Nguyễn Du càng thêm cao sang. Vua Lê Thánh Tôn, người lập ra Tao Đàn Nhị Thập Bát Tú, cũng cho mang tên một con đường ở trung tâm thành phố.

Trường nữ trung học Gia Long lớn nhất Sài Gòn thì, (trở trêu thay?), lại mang tên ông vua sáng lập nhà Nguyễn. Có lẽ nhà văn Thuần Phong muốn làm một chút gì cho trường nữ trung học có thêm nữ tính, nên đã đặt tên hai đường song song nhau cặp kè hai bên trường bằng tên của *hai nữ sĩ: Bà Huyện Thanh Quan và Đoàn Thị Điểm*. Thẳng góc với hai đường Bà Huyện Thanh Quan và Đoàn Thị Điểm là đường *Hồ Xuân Hương*. Ba nữ sĩ nằm bên cạnh nhau, thật là có lý, nhưng có lý hơn nữa có lẽ là đường Hồ Xuân Hương đi ngang qua bệnh viện Da Liễu. Tác giả những câu thơ “*Vành ra ba góc da còn thiếu, Khép lại hai bên thịt vẫn thừa*” mà cho mang tên đường có...bệnh viện Da Liễu.

Ông nhà văn trường phòng Họa đồ quả là sâu sắc. Mãi sau này đọc tiểu sử ông, mới hết thắc mắc làm sao chỉ là một công chức như tôi mà ông đã làm được việc quá xuất sắc và hi hữu này.

Vì ông là nhà văn.

(Nguyễn Văn Luận)

Ghép chữ Nôm

Tài hơn nữa, ta đem một chữ rất thường dùng ghép với một chữ khác để cấu-tạo thành không biết bao nhiêu chữ kếp với những nghĩa đầy lý thú:

Như một chữ “ăn” đem ghép thành:

ăn bắm, ăn bận, ăn bản, ăn bòn, ăn bốc, ăn bót, ăn cắp, ăn có, ăn cỗ, ăn cơm, ăn cưới, ăn cướp, ăn cháo, ăn chay, ăn chạy, ăn chắc, ăn chặn, ăn chệt, ăn chịu, ăn chơi, ăn chùa, ăn chực, ăn dè, ăn đêm, ăn đồn, ăn dứt, ăn đứt, ăn gian, ăn giỗ, ăn hại, ăn hàng, ăn hiệp, ăn kiêng, ăn khao, ăn khem, ăn khín, ăn khớp, ăn lái, ăn lạt, ăn lặn, ăn lời, ăn lương, ăn lường, ăn mây, ăn mặc, ăn mặ, ăn mót, ăn mừng, ăn nằm, ăn nói, ăn ngủ, ăn nhậu, ăn nhín, ăn nhíp, ăn nhờ, ăn ở, ăn quít, ăn rơ, ăn sương, ăn tạp, ăn Tết, ăn tiệc, ăn tiền, ăn thè, ăn thua, ăn trộm, ăn trót, ăn uống, ăn vạ, ăn vã, ăn vặt, ăn vận, ăn vụng, ăn xài, ăn xén, ăn xin, ăn xổi, ăn ý...

(Tiếng Việt hồn Việt – Lê Thương)

Tên đường phố Sài Gòn sau năm 1975

Từ 1954 đến 1964, sở Văn hóa Hà Nội thành lập *Ban tên phố* với “nhảy cảm” và “tế nhị” bỏ tên phố mang tên vua quan thời Nguyễn, thay vào tên chiến địa (Bắc Sơn, *Điện Biên Phủ*, v...v...).

Phố Nguyễn Hữu Huân tên xưa là phố Bè Thượng (người Pháp đặt tên là Rue de la Digue). Năm 1955 gọi là phố Phan Thanh Giản. Bởi chưng sử gia miền Bắc bài bác Phan Thanh Giản hê lụy với người Pháp nên họ đưa Nguyễn Hữu Huân thay thế.

Nguyễn Hữu Huân (1830-1875), quê Chợ Gạo, tỉnh Định Tường, ông dự thi Hương (cử nhân) và đỗ đầu, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Ông khởi nghĩa *chống Pháp* ở các tỉnh miền đông Nam kỳ, ông bị Pháp xử chém năm 1875 tại Định Tường.

Từ Hà Nội vào Sài Gòn, phố Phan Thanh Giản cũng đã đi vào chiến địa với tên *Điện Biên Phủ*.

Sài Gòn xóm

Thuở ấy, Sài Gòn xóm chưa có nước máy vào nhà, chưa có cột đèn dẫn điện vào các hẻm. Ngoài nước giếng, người dân quen xài nước máy công cộng. Cứ ba bốn hẻm, lại có một “phông ten”. Trong khu chợ Bàn Cờ, *giữa hẻm 212 Nguyễn Thiện Thuật có một “phông ten” nước*, vừa xài cho xóm, vừa xài cho chợ.

Tại đây, từ sáng đến tối đều đông chật người. Các bà, các chị gánh nước thuê, đầu đội nón lá, mặc áo bà ba, xắn ống quần cao để lộ bắp đùi rần rỏi. Hai thùng nước sóng sánh, đong đũa nhịp nhàng trên đòn gánh. Đó là loại thùng thiếc vuông của các hãng *nước mắm, dầu dừa, dầu hôi...*, bây giờ rất hiếm thấy.

Hầu như ngày ấy, nhà cửa trong xóm không có cảnh “kín cổng cao tường”. Bởi lẽ đơn giản, nhà trong xóm, không có cổng, không có tường rào. “Nhà cây” có mảnh tre hay mảnh gỗ cũng chỉ để che nắng. Hiên nhà là nơi đặt mấy chiếc ghế cũ hay “bộ ngựa” để người nhà hay hàng xóm ngồi chơi. Đặc biệt, *trước hiên nhà thường có một giá thờ đơn giản nhưng trang trọng, gọi là bàn thờ Ông Thiên*. Trên đây, bao giờ cũng có *một bát nhang và một cây đèn hột vịt*. Người trong xóm tin các vong hồn phiêu lạc và tà ma nào đấy trông thấy khung cảnh thiêng liêng đó sẽ phải tránh xa.

Ở nhiều nhà, còn để một *khạp nước có nắp đậy cẩn thận, kèm theo chiếc gáo dừa để khách đi qua cứ tự nhiên múc uống*.

(Phúc Tiến)

Xóm Gà

Đường Ngô Tùng Châu (trước là đường làng 20 không đèn) có hai hàng cây sao hai bên đường, *hoa sao có hai cánh nâu lúc rơi quay như bông vụ* khi có gió thổi nhiều, học trò đi học về, nhặt hoa thả tung lên biến thành cả đàn chim cánh nâu tung bay quây tròn đẹp mắt. Trên đường Ngô Tùng Châu cũng có một đặc điểm thời đó là *nhà hàng cây vườn bán thịt dơi*, gọi là Quán dơi, theo tôi được biết *đây là quán dơi đầu tiên ở Sài Gòn-Gia Định*, chuyên bán nhiều món thịt dơi, sau đó một thời gian thì đóng

Ngay ngã tư Xóm Gà và “bót” cảnh sát Nguyễn Văn Gặp có một tiệm mì-hủ tiếu-xúu mại-dầu chao quẩy-bánh bao, điển hình cho những tiệm ăn Tàu ở các ngã tư, đông người qua lại thời đó.

Đường Lê Quang Định Xóm Gà đi về hướng về ngã tư Bình hoà, có *nhà ông Thầy nước lạnh*, ngày xưa, người ta đồn rằng nước lạnh được ông làm “phép” trị bá bệnh. Dân chúng có một thời đổ xô tới đây tràn cả ra đường, nhiều khi đến hỗn loạn, ngày nào cảnh sát cũng phải đến giữ trật tự.

(Y Nguyễn-Mai Trần)

Sài Gòn một chút quán xá

Quán Hương Lan

Hồi đó, trước cửa Bưu điện Sài Gòn có hai quầy bán bánh mì mà người ta quen gọi là bánh mì Bưu điện, quầy nằm bên phải hình như có tên là Hương Lan (Nguyễn Văn Ngãi), bán những ổ bánh mì con cóc nhỏ trét sốt mayonnaise, kẹp jambon, xúc xích, thêm vài lát dưa leo ngâm giấm (cornichon của Tây, pickled cucumber của Mỹ), và đặc biệt là thịt gà quay xé nhỏ.



(Bánh mì Bưu Điện hay bánh mì Hương Lan)

Nhắc tới ổ bánh mì được làm ngắn, nhỏ lại và *tròn như con cóc*, kẹp *nhân thịt gà quay xé nhỏ* của bánh mì Bưu điện, thì ta cũng không quên nhớ lại tiệm bánh mì con cóc (Nguyễn Văn Ngãi), bán những ổ bánh mì con cóc nhỏ trét sốt mayonnaise, kẹp jambon, xúc xích, thêm vài lát dưa leo ngâm giấm (1) và đặc biệt là thịt gà quay xé nhỏ. Có vị ngọt ngọt, mặn mặn rất ngon.

(1) Theo bà Nguyễn Thị Tịnh, chủ nhân bánh mì Hòa Mã nói: “Người miền Nam thường thích cái gì cũng có tí rau. Vì vậy ổ bánh mì được cho thêm vài lát dưa leo, củ cải trắng, cà rốt cắt sợi ngâm chua, thêm vài cọng hành, ngò để có hương thơm, vài khoanh ớt cay vừa ăn vừa hít hà mới...đã điều”

Bánh mì Bưu Điện Sài Gòn một thời tạo ra kiểu ăn bánh mì thịt của người Việt. Xe bánh mì thịt với kiểu cách bưu điện Sài Gòn sau này trở thành mô típ chung cho xe bán bánh mì thịt ở miền Nam. Đi về tỉnh bạn sẽ bắt gặp trước nhà lồng chợ, cửa trường học, tại bến xe đò... hình ảnh những chiếc xe bánh mì thịt kiểu Bưu điện Sài Gòn quen thuộc. Thêm ổ bánh mì, ớt cay hít hà

(Bánh mì Sài Gòn theo giòng thời gian – Xuân Phương)

Văn hoá chữ

Tôi cứ bị ám ảnh mãi: Tại sao khi thấy Trần Dần vắng tục “Năm, năm cái con cặc”, tôi lại thấy rất.. đã. Đã, không phải vì nó tục mà vì... nó hiên ngang, nó... đầy khí thế. Tại sao?

Đụng đến bộ phận sinh dục là đụng đến văn hoá, thậm chí, đụng đến một trong những phần sâu thẳm nhất của văn hoá. Cả Sigmund Freud lẫn Jacques Lacan đều xem những khoái cảm sinh lý là nguyên nhân chính dẫn đến việc hình thành nhân cách, đều xây dựng lý thuyết về dục vọng, dục tính và chủ thể tính của họ trên hình ảnh của dương vật, và đều hình dung lịch sử văn minh của nhân loại như là một tiến trình đè nén và thăng hoa của bản năng sinh lý vốn chủ yếu gắn liền với các bộ phận sinh dục.

Người ta đối diện với nó không phải chỉ với tư cách một cá nhân mà còn với tư cách của một tập thể và một lịch sử. Cảm giác thích thú hay khó chịu của người đọc khi đọc bài viết này là một thứ phản ứng có điều kiện, được hình thành dần dần qua thời gian, với vô số những tác động từ bên ngoài, chứ tuyệt đối không phải là một cái gì tự nhiên nhi nhiên.

(Nguyễn Hưng Quốc)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Trời mưa bong bóng phập phồng
Mẹ đi lấy chồng con ở với...trai

Sài Gòn một chút quán xá

Bánh mì Hòa Mã

Tiệm bánh mì lâu năm ở Sài Gòn, phải nói đến tiệm bánh mì Hòa Mã. Năm 1954, vợ chồng ông Lê Minh Ngọc và bà Nguyễn Thị Tịnh di cư vào Nam. Trước đó, bà Tịnh đã làm cho hãng thịt nguội chuyên cung cấp cho các nhà hàng Pháp ở Hà Nội.

Khi vào Sài Gòn, hai ông bà đã có sẵn ý tưởng mở cửa hàng bán bánh mì, thịt nguội. Năm 1958, cửa hàng bánh mì thịt nguội mang tên Hòa Mã (*tên một làng ở ngoại ô Hà Nội*) ra đời tại *số 511 Phan Đình Phùng*. Sau đó hai năm, tiệm dời về *số 53 Cao Thắng*, gần khu vực Bàn Cờ, nơi có những địa điểm nổi tiếng như Kỳ Viên Tự, Tam Tông Miếu, trường Aurore, Cư xá Đô thành, nhà bảo sanh Đức Chính....

Tiệm Hòa Mã gọi ổ bánh mì thịt của mình là cát-cút (cassecroute), bữa ăn lót dạ, bữa ăn nhẹ. Những năm 60, giá bán một ổ bánh mì Hòa Mã là 3 đến 5 đồng, ổ lớn có bơ tươi thì 7 đến 10 đồng.



(ảnh chụp Hoà Mã 1960)



(Hòa Mã ngày nay)

Ngày nay, Hòa Mã không khác xưa là mấy. Hòa Mã cũ kỹ, bảng hiệu phai màu theo năm tháng vì đã tồn tại hơn 50 năm kể từ ngày mở cửa. Nhiều người nói chủ nhân Hòa Mã là người đầu tiên bán những ổ bánh mì thịt kiểu Sài Gòn... và *con ngõ bên cạnh bánh mì có tên ngõ Hòa Mã*.

(Bánh mì Sài Gòn theo giòng thời gian – Xuân Phương)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Ông Đùng bà Đà

Trong hội làng Quang Lang (Thái Thụy, Thái Bình) có trò múa ông Đùng - bà Đà, một trong nhiều trò diễn thể hiện rõ tính phồn thực. Dân làng làm một hình nộm đàn ông gọi là ông Đùng và một hình nộm người đàn bà gọi là bà Đà với một số hình nộm trẻ con trai gái tượng trưng cho con cái của hai ông bà. *Thân hình nộm được đan bằng trúc sa, một loại tre trồng ở bãi biển. Mặt ông Đùng bà Đà được vẽ trên chiếc nia, mặt trẻ con được vẽ trên chiếc giần. Trên tai bà Đùng và tai các cô con gái được đeo hoa mào gà đỏ (dân Quang Lang gọi là hoa ông Đùng). Quần áo ông Đùng bà Đà được may bằng vải buồm cũ. Khi múa, người múa chui vào thân hình nộm đi bằng cà kheo thành chân ông Đùng bà Đà.*

Trò múa này thường diễn ra vào xẩm tối ngày 14 tháng 4. Sau khi vái lạy Thánh ở đền và ở chùa xong, chiêng trống nổi lên, tất cả dân làng hô "tinh, tinh, tinh, phập" thì *ông Đùng bà Đà úp mặt vào nhau* và bắt đầu múa dọc khắp đường làng. Khi chuẩn bị kết thúc thì ông Đùng bà Đà chạy thật nhanh để dân làng đuổi theo "*phá Đùng*". Theo trống hiệu phá Đùng, dân làng tranh nhau xô vào giăng xé, ai cũng mong cướp được một đoạn nan trên người ông Đùng bà Đà để lấy phước. Sau khi lấy được họ đem về *gác đầu giường* hy vọng sẽ khỏe mạnh, những người trong độ tuổi sinh nở thì *sớm sinh con theo ý muốn*, cấm xuống thuyền thì thuyền ra khơi vào lộng bình an may mắn, cấm ra ruộng muối thì ruộng muối bội thu... Từ những tiếng hô của dân làng "tinh, tinh, tinh, phập" đến động tác quện vào nhau của ông Đùng bà Đà... người dân Quang Lang đã mộc mạc bày tỏ quan niệm *phồn thực*.

(Đặng Hoài Thu)

Chữ nghĩa lỗ mỗ ngu ngơ

Ra đường gặp ả hồng nhan
Thằng cu nghển cổ nóng ran cả người

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Cái sự làm sao, Cái sự làm vậy



Có những trò diễn lại có cách thể hiện bằng các điệu múa như trò múa Mo ở Đức Bác (Phú Thọ). Xưa dân Đức Bác có thờ một vị nữ thần và có tục múa hát thờ mô phỏng tính giao.

(Nữ nường)

Đèn thờ xưa nhỏ, làm bằng gỗ có một gian đặt trên một quả gò - gọi là *gò ám ảnh*. Sau chỗ đất ấy được thay bằng một ngôi đình. Khi tế lễ xong có trò múa âm dương hòa hợp, gồm tám nam và tám nữ ăn mặc chỉnh tề. Bên nam cầm sinh thực khí nam bằng *gỗ vuông*, bên nữ cầm hình sinh thực khí nữ bằng *mo cau*.

Trong khi múa có trống chiêng đệm. Bên nam hát trước: *Cái sự làm sao*, nữ đáp: *Cái sự làm vậy*. Bên nam lấy cây vòng chọc một lỗ thủng vào mo cau, sau đó dùng gỗ vuông vừa chọc vào mo cau vừa hát: *Cái sự thế này là cái sự làm sao?* Tất cả vừa múa vừa đi vòng tròn, tiến lên, lùi xuống trong một thời gian nhất định. Vào buổi tối khi lễ xong, *lại có tục tắt đèn, trai gái tự do đùa nghịch*. Mục đích của trò này cũng là cầu cho vạn sự sinh sôi nảy nở, kể cả mùa màng cũng như con người được phát triển.

(Đặng Hoài Thu)

Những vai phụ “láy”, “đệm” trong ngôn ngữ Việt

Việt ngữ cũng có những từ ngữ mà tôi gọi là vai phụ, vì nhiều từ ngữ trong tiếng Việt, nếu đứng riêng một mình, thường không có nghĩa gì cả. Trước tôi, đã có nhiều tác giả bàn luận về loại từ ngữ này và đặt tên cho chúng là “từ láy” cặp kè trong những “từ kép” hoặc “từ đôi”. Trước tiên, tôi đề nghị làm giấy khai sinh một danh gọi khác cho “từ láy”, vì chữ “láy” gọi trong trí tôi phong cách diễn đạt trong âm nhạc: *luyến láy*. Mà ngôn ngữ là phương tiện truyền thông bằng tiếng nói hoặc bằng chữ viết, vì vậy tôi được phép còn gọi chúng là “từ đệm”, và có dành cho chúng một chương ngắn trong giáo trình Việt ngữ của tôi cho người bản xứ.

Theo tôi, “từ kép” là những cụm từ có đôi, có cặp và mỗi từ, khi đứng riêng có nghĩa hẳn hoi và không nhất thiết đồng âm, cùng vần, nhưng lẽ đương nhiên phải có nghĩa tương quan. “Từ đệm” cũng như “từ láy” là những “từ đơn” vô nghĩa được đệm vào một từ có nghĩa thành những “từ kép” để thêm thắt ấn tượng cho lời nói hoặc câu văn.

Cho dễ hiểu, tôi xin rút ra vài thí dụ:

– “cáu gắt” là “từ kép” ghép từ “cáu kính” và “gắt gông”, với “kính” (vô nghĩa) đệm cho “cáu” và “gông” (vô nghĩa) đệm cho “gắt”.

Tương tự, có:

– “la máng”: “la lổ” và “máng mỡ”.

– “buồn chán”: “buồn bã” và “chán chường”.

(Ngô Nguyên Dũng)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

anh vũ 鸚鵡

Theo soạn giả Nguyễn Lân: *anh* nghĩa là tên *chim*, *vũ* nghĩa là *con vẹt*, anh vũ là con vẹt. Rồi ông nêu thêm từ cá anh vũ là một giống cá nước ngọt ở ngã ba Hạc.

Các từ điển chữ Hán từ xưa đến nay đều không hề giải thích nghĩa của các từ tổ anh 鸚 và vũ 鵡, vì nếu chúng đứng tách khỏi nhau thì không có nghĩa gì cả, và chỉ khi đi liền với nhau mới có nghĩa là con vẹt.

Tiếng Hán cũng có từ anh vũ để chỉ một loài cá nước ngọt thì hai từ tổ này cũng khác hẳn với hai chữ anh vũ trên đây..

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

“Áo từ”, “ấn từ” hay “biến từ” trong tiếng Việt?

Từ "dễ", theo thói thường, giữ vai trạng từ trong ngữ pháp, phản nghĩa với "khó". Ấy mà, trong lời ta thán thường nghe: "Đàn bà *dễ* có mấy tay!", "dễ" giữ nhiệm vụ gì, khó xác định sao cho chính xác. Khác với: "Con bé ấy càng lớn trông càng *dễ* thương", "dễ" có nghĩa như "đáng". Nhưng tuyệt đối, không ai nói: "Con bé ấy càng lớn trông càng *đáng* thương", vì ý nghĩa của hai câu nói khác nhau nhiều lắm. Tình tiết trong ngôn ngữ Việt đâu phải chỉ đơn giản bao nhiêu đó. Vì, nếu như "thương" được thay bằng "yêu", ta sẽ có "dễ yêu" cũng như "đáng yêu", thì "dễ" và "đáng" lại đồng nghĩa với nhau, mới chết!

"Dễ" còn được người Việt sử dụng trong lời khen: "Thằng đó không biết ăn nhằm giống gì mà lấy được con vợ đẹp *dễ* sợ." Hay: "Tao mới làm quen được con nhỏ kia đẹp *ác*." Điểm ngộ nghĩnh trong hai thí dụ vừa nêu là biến tính của hai từ "sợ" và "ác". Nghĩa tiêu cực tan biến đâu mất, để hỗ trợ tích cực, "nâng cấp" tính đẹp lên tột đỉnh, vượt qua ý niệm giới hạn của "sợ" và "ác"!!! Như thế ở cực điểm, ngôn ngữ cường điệu có khả năng triệt tiêu cả đối tính. Tương tự vậy, người Việt nói: "Con vợ thằng chả nói năng vụng về vậy mà nấu ăn ngon *ghê!*" thay cho "ngon quá"; hoặc "Ca sĩ X không rành nhạc lý gì hết, vậy mà hát hay *kinh khủng!*" thay vì "hay tuyệt". Lại... ghê!

(Ngô Nguyên Dũng)

Chữ Việt cổ

Chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Thộ: *thùng, gổ*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

Ba ông đầu rau

Ba ông đầu rau gồm có:

Thần đất

Thần bếp

Thần chợ

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

Tong

Tong : *gậy* và cao

(ổm *tong*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Họ Trần qua họ Trình

Lê Thánh Tông (trị vì 1460-1497) được sử sách đánh giá là một minh quân, nhưng lại đi vào vết xe của nhà Trần. Vừa cầm quyền được hai tháng, Lê Thánh Tông hạ chiếu ra lệnh đổi tên những họ nào đã phạm vào chữ húy của Cung Từ hoàng thái hậu. Bà này tên húy là Phạm Ngọc *Trần*, vợ của Lê Thái Tổ, mẹ của Lê Thái Tông, tức bà nội của Lê Thánh Tông.

Nhà vua cho rằng bà nội của mình *tên Trần* nên yết thị cho dân chúng khắp nước, nơi nào có họ "*Trần*" *đều phải đổi chép thành chữ "Trình"*.

(Những cuộc đổi họ lớn trong lịch sử - Trần Gia Phụng)

Từ họ Lý ra họ Nguyễn

Tháng tư năm Nhâm thìn (1232), nhân việc ban chữ húy về tiên tổ họ Trần, ông nội của Trần Thái Tông tên là Trần **Lý**, nên Trần Thủ Độ buộc con cháu **họ Lý** phải đổi thành **họ Nguyễn**. Gần cuối năm Nhâm thìn (1232), tôn thất nhà Lý tập trung làm lễ tế tổ tiên ở thôn Thái Đường, xã Hoa Lâm (**nay thuộc Bắc Ninh**). Trần Thủ Độ cho làm nhà tế lễ bằng tre lá trên một cái hầm, khi con cháu nhà Lý tập trung hành lễ, Trần Thủ Độ ra lệnh chôn sống hết con cháu nhà Lý để dứt điểm một vấn đề làm cho Trần Thủ Độ lo lắng bấy lâu nay. Sau cuộc thanh trừng khủng khiếp này, con cháu nhà Lý không còn dám về Bắc Ninh làm lễ tế hàng năm, và họ thay tên đổi họ sống lẫn khuất trong dân gian để tránh bị tiêu diệt. (1)

(1) Đặc biệt hoàng tử Lý Long Tường, con trai thứ của Lý Anh Tông đã bỏ nước ra đi năm 1226, cùng đoàn tùy tùng khoảng 40 người vượt biển sang lập nghiệp ở Cao Ly.

(Những cuộc đổi họ lớn trong lịch sử - Trần Gia Phụng)

Hát chèo



Kinh đô Hoa Lư (Ninh Bình) là đất tổ của sân khấu chèo, người sáng lập là bà Phạm Thị Trân, một vũ ca tài ba trong hoàng cung nhà Đinh vào thế kỷ 10, sau phát triển rộng ra...

Chèo bắt nguồn từ âm nhạc và múa dân gian, nhất là *trò nhại* từ thế kỷ 10. Qua thời gian, người Việt đã phát triển các tích truyện ngắn của chèo dựa trên *các trò nhại này thành các vở diễn trọn vẹn dài hơn*. Sự phát triển của chèo có một mốc quan trọng là thời điểm một binh sỹ quân đội Mông Cổ đã bị bắt ở Việt Nam vào thế kỷ 14. Binh sỹ này vốn là một diễn viên nên đã đưa nghệ thuật Kinh kịch của Trung Quốc vào Việt Nam. Trước kia chèo chỉ có phần *nói và ngâm các bài dân ca*, nhưng do ảnh hưởng của nghệ thuật do người lính bị bắt mang tới, chèo có thêm phần hát.

Vào thế kỷ 15, vua Lê Thánh Tông đã không cho phép biểu diễn chèo trong cung đình, do chịu ảnh hưởng của đạo Khổng. Chèo trở về với dân gian, *kịch bản lấy từ truyện viết bằng chữ Nôm*.

Tới thế kỷ 18, hình thức chèo đã được phát triển mạnh ở vùng quê và tiếp tục phát triển vào cuối thế kỷ 19. Những vở nổi tiếng như Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình Dương Lễ, Kim Nham, Trương Viên xuất hiện trong giai đoạn này.

(nguồn: ttvqh5.com.vn)

Ghép chữ Nôm

Với chữ "ăn" mà đem ghép làm bốn chữ thành rất nhiều thành-ngữ để mô- tả mọi hoàn-cảnh sinh-hoạt rất phong-phú...

Như:

ăn cám trả vàng, ăn cháo đá bát, ăn chay nằm mộng, ăn chực nằm chờ, ăn dơ ở dáy, ăn dựng ngòi rồi, ăn đấu trả bò, ăn đói mặc rách, ăn gian nói dối, ăn gởi nằm nhờ, ăn kiêng nằm cữ, ăn miếng trả miếng, ăn ngay nói thẳng, ăn nhờ ở đậu, ăn sung mặc sướng, ăn tục nói phét, ăn thiệt làm dối, ăn trên ngồi trước, ăn trắng mặc trơn, ăn trước trả sau, ăn vóc học quen...

(Tiếng Việt hồn Việt – Lê Thương)

Vĩnh biệt họa sĩ Thái Tuấn



Phía dưới trang giấy kẻ ô vuông là dòng chữ của lão nghệ sĩ nhiếp ảnh “râu dài” Mạnh Đan: “Vô cùng thương tiếc người bạn cố tri. Thái Tuấn ra đi không bao giờ trở lại. Vĩnh biệt - Nguyễn Mạnh Đan”.

(ảnh Mạnh Đan)

Còn vài chục trang giấy như thế của những người thân, những người bạn, những người anh em, già trẻ lớn bé, lớp trước lớp sau, tôi không thể kể hết. Điều đó chứng tỏ khi sinh thời ông *đã sống như thế nào. Đó là điều quan trọng* chứ không phải là tên tuổi, nổi danh hay không nổi danh. *Thái độ sống và cách sống* với những người xung quanh *mới chính là con người thật*.

Vĩnh biệt họa sĩ tài hoa Thái Tuấn.

(Văn Quang)

Thành ngữ hiện đại, hiện thực

Thất bại vì...ngại thành công.

Đã có một thời...

Đi tìm ông nặn tượng



Anh chỉ tay về phía bức tượng một thôn nữ, tay ôm bó lúa:

– Đó là tác phẩm mới nhất của tôi đây. Về đây tôi mới làm. Tôi đã làm chừng hơn mười bức tượng như thế rồi. Kể cả khi còn ở bên Mỹ và thời gian đầu, khi trở về đây. Nhưng làm rồi phá, phá rồi làm. Cái gì không có hồn, tôi dẹp liền.

– Có phải là tác phẩm anh ưng ý nhất không?

– Đúng thế, bức tượng này là hình mẫu, trong toàn cảnh bức tượng lớn mà tôi đang ấp ủ. Đây là bức tượng nhỏ, cũng như hồi tôi làm tượng Tiếc Thương trước hết phải có một bức tượng nhỏ mang mô hình của nó. Khi có điều kiện

thực hiện, cứ theo đó mà làm. Lúc dựng tượng lớn, khó mà thay đổi được.

Tôi nghĩ, mỗi người nghệ sĩ đều có những “giấc mơ” của riêng mình. Người nghệ sĩ thật sự, thường âm thầm nuôi những hoài bão lớn lao. Còn có thực hiện được hay không lại là chuyện khác. Không phải là những kẻ chỉ hành động nhất thời, mưu cầu một chút danh lợi hoặc tiếng tăm, “ăn bám” trên những tên tuổi của người khác. Cũng không phải là người chỉ đặc chí với một tác phẩm nổi danh rồi ngồi đó, vuốt râu hoài cho đến bạc phéch.

Nguyễn Thanh Thu còn hăng lắm, còn say sưa với những cái mới hơn, lạ hơn. Có thể cái sau không bằng cái trước, đã có không biết bao nhiêu nghệ sĩ danh tiếng, sáng tác những tác phẩm cuối đời dở hơn những tác phẩm đầu đời. Nhưng tâm hồn người nghệ sĩ luôn tràn đầy ước vọng mới là điều cần thiết.

Nguyễn Thanh Thu đang có được sức sống mãnh liệt đó. Rất có thể nó là sự “hoang tưởng” như anh Phương đã nhận định. Và ngay chính chúng tôi, cũng thấy được điều này khi anh nói đến số tiền phải bỏ ra thực hiện tác phẩm của anh.

(Văn Quang)

Nói lái với thơ ca, hò vè

Ban ngày lật cổ tối công phu
Đậu ủ lâu ngày hóa đậu lu

Ngày ta đạ chủ, đêm tu đạo
Đạo chi lạ rứa: "Đạo ù ù".

Về khúc Tống biệt

Giới thiệu bài thơ này, Bùi Giáng có lời bình:

"*Lá rơi* - Hình ảnh của lìa tan, của ly biệt...Người đi. Khách phàm trần đã lên đây, đem lên đây tình yêu của hạ giới, gây bàng hoàng cho lòng xanh tiên nữ, để giờ đây chia biệt, đem tình về hạ giới, cho lòng xanh tiên nữ lại băng khuâng...Lời tiễn đưa vang nhẹ giữ Đào Nguyên trắng sáng rộng vô ngần. Như hồn xuân đêm yếu điệu. Như ngậm ngùi tình vương vấn thiên thai. Như gió lùa thổi vào tâm hiu hắt..."

Sực tỉnh rồi...còn đâu nữa mộng lòng xuân. Nụ hồng giữa vườn xuân không hé phôi lần nữa. Đá mòn. Rêu nhạt. Nước chảy-Huê trôi. *Cái hạc bay lên vút tận trời*...đem đi mộng cũ của lòng ta...Tình của người lặng đi giữa bốn bề câm nín. Lạnh mang mang vây ám mãi nghìn năm. *Đường lối cũ*, nơi đầu non cửa động. Trắng chơi vui còn sáng mãi, hững hờ. Mộng Thiên Thai vỡ vàng, đã mòn mỏi..."

Bài thơ mang ý nghĩa tượng trưng đó. Tống biệt? Vĩnh biệt Thiên Thai là vĩnh biệt hồn thơ của tuổi mộng-Tuổi mộng không ở mãi với hồn thơ, để thắm mãi giữa đời....".

Đừng tưởng

Đừng tưởng rằm sẽ có trăng..
Trời giăng mây xám mà lên đỉnh đầu

(Bùi Giáng)

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Hoàng Cầm: Bài thơ của Phùng Quán

Phùng Quán tạm dứt ngang câu chuyện thơ với Hoàng Cầm và đi ra sau bếp. Cái bếp không có bàn tay đàn bà, lạnh tanh lạnh ngắt. Mấy cục gạch ngả nghiêng. Nồi soong trống hốc. Nghe tiếng khua sột soạt, Phùng Quán nhìn lên nóc nhà: một mảng rách được che bằng một tấm giấy xi măng có in hình con rồng đỏ, nhãn hiệu của nhà máy xi măng Hải Phòng Cải Tiến. Gió thổi giấy lật lên tạo nên âm thanh như nhạc. Con rồng chỉ uốn éo nhưng không bay được, vì sợi dây buộc vào chiếc sườn tre quá chắc. Phùng Quán giơ tay giật phắc rồi tiện tay nhặt mấy mẩu gạch non đi trở lại nhà trên.

Hoàng Cầm vẫn còn ngồi ở bàn, tay chống cằm, mắt trống không chẳng chút xúc cảm. Hoàng Cầm nhìn Phùng Quán trải tờ giấy trên mặt bàn hồi lâu mới hỏi:

- Cậu làm gì thế?
- Em viết bài thơ tặng anh
- Tôi không đọc được thơ
- Nhưng thơ em, em tin anh đọc được.

Rồi Phùng Quán cầm cúi viết bằng mẩu gạch non. Một mạch, Phùng Quán viết xong bài thơ, đưa cho Hoàng Cầm và nói:

- Dù anh không đọc anh vẫn hiểu em viết gì. Em không tin rằng một người như anh lại suy sụp và không làm thơ nữa. Em xin phép anh dán nó lên vách này. Mưa không xóa nổi nó, gió không giật nổi nó. Nó sẽ ở bên anh. Em đi đây!

Phùng Quán bước ra cửa. Bài thơ chữ nào cũng lớn, ngời ngời:

Tôi tin núi tàn
Tôi tin sông lấp
Nhưng tôi không thể nào tin
Một nhà thơ như anh lại ngã lòng suy sụp
(...)

Sông Đuống sẽ mặc đại tang
Khóc bên bồi bên lở
Sóng cuộn bờ nước nở
Ngàn đời chịu tang anh

Hoàng Cầm nhìn bạn bước nhanh ra sân rời khỏi ngõ, không một lời. Anh gục đầu trên mặt bàn.

(Xuân Vũ)

Con lợn khác con heo chỗ nào?

Miền Bắc không heo nhưng thích...*nói toạc móng heo*.
Miền Nam không lợn lại thích ăn...*bánh da lợn*.

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Hoàng Cầm và nhóm Nhân văn Giai phẩm

Lúc bấy giờ cuộc cách mạng *Nhân Văn Giai Phẩm* bùng nổ. Họ họp đại hội tố nhóm *Nhân Văn Giai Phẩm* bằng tiếng nói của "quần chúng văn nghệ sĩ" xong rồi còn dựng Tòa án Nhân dân để xử án... mà những kẻ bị tố là phản động hoặc bị kêu án không ai lạ, là những công thần của đảng: Văn Cao, Hoàng Cầm, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt, Hữu Loan, Tử Phác, Nguyễn Hữu Đang, Sỹ Ngọc, Nguyễn Sáng, v...v....

Tôi có gặp hoặc được dịp nói chuyện với tất cả những nghệ sĩ kể trên. Trong đó, Văn Cao và Hoàng Cầm, với tôi có một vài kỷ niệm nhỏ....Lúc đó văn nghệ sĩ Hà Nội chia làm ba phe rõ rệt. Phe thứ nhất là nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, phe thứ hai là phe chống Nhân Văn Giai Phẩm, phe thứ ba là phe khi chống đảng khi theo đảng, hoặc lừng khừng, chống, theo đều không rõ, hoặc *ngắm ngòm chống đảng mãi sau mới biết như Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Kim Lân*, v.v...

Hoàng Cầm đứng đầu cùng với Văn Cao. Ai nghe danh Hoàng Cầm cũng giật mình. Giật mình vì hai lẽ: Cái ông đã từng làm hai bài thơ kháng chiến chống Pháp lại chống đảng. Còn lẽ thứ hai: Giữ mình cẩn thận, kẻ có kẻ rình rập báo cáo với Tố Hữu rằng mình có bắt tay, có nói chuyện với Hoàng Cầm... thì khôn.

(Xuân Vũ)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Trời nắng rồi trời lại mưa,
Tính nào tạt nấy có chừa được đâu.

145 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Talawas: Sau chiến tranh, anh là người Hà Nội vào Sài Gòn và ở lại đó cho đến nay. Là người của phía chiến thắng giữa những người chiến bại. Sống với cảm giác ấy có dễ không?

NT: Tháng 6-1975, trên đường phố Đà Nẵng tôi thấy một cô gái nhìn theo một xe tải chở đầy tivi, tủ lạnh chạy ra Bắc với ánh mắt ác cảm, tôi nghĩ cũng còn may cô ta không được thấy những đoàn xe bị vãi bạt chạy trên đường Trường Sơn cũng ra Bắc. Nhưng đó là chuyện buồn khó tránh khỏi sau chiến tranh, còn nhiều chuyện vui khác, những cuộc trùng phùng chẳng hạn.

Tháng 10 -1975 tôi vào Sài Gòn gặp ông anh ruột là nhà văn Nhật Tiến, đang là giáo viên trường trung học Hưng Đạo. Ông ấy kể, công đoàn trường vừa chia mỗi người được 10 liều thuốc Tam Đảo, ông không nhận và hỏi sao không để nguyên bao, kỳ này anh nhận, kỳ sau tôi

nhận, sao lại xé ra? Rồi ông ấy khóc vì sự "xúc phạm con người". Tôi bảo: "Thôi ông ra nước ngoài đi, người như ông không sống ở đây được đâu!".

Tôi không có cảm giác mình là "phe chiến thắng" mà chỉ là dân "ngụ cư", dân "Bắc Kỳ 75", bởi lẽ năm 1980, chuyển vào ở hẳn Sài Gòn, nhập hộ khẩu rất khó khăn. "Những người chiến thắng" chính là những người như ông Mười Xuân, cục trưởng cục in ấn ở rừng về, hoặc những nhà văn tập kết như Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng... và cả những người cách mạng 30-4 như các nhà văn nhà thơ Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Viện... mà tác phẩm của họ chiếm lĩnh đầy các trang báo ở Sài Gòn.

(Phạm Thị Hoài nói chuyện với nhà văn Nhật Tuấn)

Những cái cũ & xưa nhất của Saigon

Ngôi đình cổ nhất



Một trong những ngôi đình cổ nhất của đất Gia Định xưa và xưa nhất miền Nam là *đình Thông Tây Hội*, xây dựng vào khoảng năm 1679, là chứng tích còn nguyên vẹn nhất của thời kỳ dân Ngũ Quảng kéo vào khai khẩn vùng Gò đất có nhiều "cây vấp", từ đó trở thành tên địa phương là Gò Vấp.

Đình Thông Tây Hội có vị thành hoàng rất độc đáo. Hai vị thần thờ ở đình là hai hoàng tử con vua Lý Thái Tổ, do tranh ngôi với thái tử Vũ Đức nên bị đày đi khai hoang ở vùng cực nam và trở thành "Thủy tổ khai hoang" trong lịch sử Việt Nam; hai vị thần đó là: Đông Chinh Vương và Dục Thánh Vương.

Ngôi đình còn giữ được nguyên vẹn về quy mô kiến trúc, kết cấu, với những chạm khắc đặc trưng miền Nam.

Địa danh miền Nam

Ở thế đất cao có loài chim muông trú ngụ như *con công* gọi là Gò Công, Gò Sơn Qui (rùa). Ở cánh đồng có nhiều con nai đang ăn cỏ gọi là Đồng Nai. Hình tượng núi giống con voi, con sam biển, gọi là Núi Voi, Núi Sam.

Vùng có *cây giá* nhiều, cây này giống cây măng cầu có mủ màu trắng, gọi là Rạch *Giá*. Những gò, giồng cao, dài thì có tên Giồng *Trôm* (cũng do nơi này có nhiều cây *trôm*), Gò *Vấp*, vì có nhiều cây *vấp*, Giồng Cai Yén (cánh én), Ba Giồng. Và các gò có Gò Bàn, Gò Xoài, Gò Tre, Gò Tượng (là chỗ voi tắm và uống nước).

(Một thoáng về địa danh đất Việt – Trần Khánh)

Tên đường phố Sài Gòn sau năm 1975

Sài Gòn theo ai đây thì:

"...Sau 1975, chúng ta biết có những đợt thay đổi tên đường theo sau đổi tên thành phố. Nhìn qua cách đổi tên đường, chúng ta có thể đoán được rằng mấy người trong chính quyền hiện nay không ưa triều Nguyễn, vì những ông vua và quan của triều này bị cho biến đi gần hết.

Vài ví dụ :

* Gia Long là ông vua gây ra nhiều tranh cãi, nhưng là người có công mở rộng bờ cõi và khai sáng triều Nguyễn; ông ấy phải "nhường" chỗ cho cậu bé Lý Tự Trọng.

* Minh Mạng là ông vua nổi tiếng thơ ca, nhưng đành phải nhường cho Ngô Gia Tự (chẳng biết ông này là ai). (*)

(*) Ngô Gia Tự là người Việt gốc Tàu qua Tàu (Quảng Châu) làm cách mạng.

* Thiệu Trị cũng là vua triều Nguyễn, nay bị Trần Hữu Trang làm cho biến mất.

* Tự Đức bị cho lên đường, và thay vào là cái tên lạ hoắc Nguyễn Văn Thử.

- * Đồng Khánh bị Trần Hưng Đạo chiếm, nhưng sự thay đổi này chẳng ai thắc mắc.
- * Duy Tân là con đường đẹp đã đi vào thơ ca, nhưng nay thì bị Phạm Ngọc Thạch cho lên đường biến mất luôn.
- * Khải Định cũng là một vị vua triều Nguyễn, nhưng sau 1975 thì ông bị đuổi đi và nhường cho Nguyễn Thị Tần (là ai?)
- * Hiền Vương tức chúa Nguyễn Phúc Tần là một nhân vật quan trọng trong sử và mở mang bờ cõi về phía Nam, bị cô Võ Thị Sáu chiếm và đuổi đi.
- * Còn những tướng lĩnh và danh nhân đời Nguyễn như Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành, Võ Di Nguy, Võ Tánh, v...v...bị cho lên đường gần hết.

(Khuyết danh)

Xóm Gà

Ngã tư Bình Hòa trước có quán cơm tấm rất nổi tiếng, giá bình dân, ngon nhất là cơm bì xườn, hoặc cơm với *lòng heo phá lẩu*. Quán của bà chỉ bán từ 5 giờ sáng đến 11-12 giờ trưa là xong. Mì Minh Sanh nổi tiếng vùng này giống như mì Cây Nhãn ở Đakao.

Một điểm đáng chú ý có lẽ nơi đây là nơi xuất phát món bánh mì thịt có bơ đánh hột gà và paté. Xe bán bánh mì này dĩ nhiên rất thành công, mỗi lần ba tôi “thăm” ông hớt tóc cũng mua bánh mì về cho các con vì tiệm này sát xe bán mì.

Tất cả, bây giờ chỉ còn là kỷ niệm đẹp của một thời.

(Y Nguyên-Mai Trần)

Đường Phan Huy Chú

Nếu đô thành có bất công chút ít, chẳng qua là vì quên đó thôi. Chẳng hạn như ông Phan Huy Chú được nêu danh trong Chợ Lớn mà ông Phan Huy Vịnh lại không. Đô thành trọng văn nghệ lắm. *Không có nhà văn, nhà thơ nào ngày xưa mà không được lấy tên đặt tên phố cả*, khiến lũ văn nhân thi sĩ hậu sinh là ta đây nức lòng muốn cố gắng để có thể được biệt đãi như thế về sau.

Chỉ phiền văn nhân thi sĩ của thế hệ ta đông quá, mà đường phố chỉ có hạn thôi, để gì tìm được một chỗ “màn”. Có một điều đáng chú ý là họ Nguyễn chiếm đa số trong các phố Sài Gòn. Dân tộc ta họ Nguyễn cũng như dân tộc Pháp họ Dupont vậy mà !

(Phố của thành phố: Nhân Loại – 1957 Bình Nguyên Lộc)

Sài Gòn một chút quán xá

Bánh mì Hà Nội

Trong khu vực Bàn Cờ, ngoài tiệm bánh mì Hòa Mã, còn phải kể đến tiệm bánh mì Hà Nội cũng thuộc loại nổi tiếng thâm niên, với cơ sở khang trang, sạch sẽ, ngày nay tọa lạc tại 83-85 đường Nguyễn Thiện Thuật.



(Bánh mì Hà Nội ngày nay ở Sài Gòn)

Cũng như chủ nhân bánh mì Hòa Mã, với nghề làm thịt nguội, gia đình ông Lê Văn Đồi từ Hà Nội di cư vào Nam, mở cửa hiệu bánh mì đồ nguội trên đất Sài Gòn, đặt tên là bánh mì Hà Nội.

Lúc đầu quán nhỏ, vài bàn ghế lụp xụp nhưng bánh mì nóng giòn, dọn bên cạnh đĩa jambon, chả lụa, paté, dưa leo, cà chua, ớt đỏ và sốt mayonnaise tiệm tự làm để riêng. Món đặc biệt

của tiệm ngày trước là gà rút xương dồn thịt, jambon và nấm hương. Bánh mì Hà Nội bây giờ trở thành một cửa hàng ăn uống rộng lớn, bán thêm bánh mì kẹp thịt mang đi, bánh ngọt, xôi chè...

Bàn tay bỏ quên túi áo
Mân mê cây bút chì
Không có mẫu bánh mì
Tìm nghĩa của từ chẳng thấy
(Phan Huyền Thư)

Có lẽ không nơi nào có nhiều chỗ bán bánh mì thịt như Sài Gòn. Đại loại cũng chừng đó nguyên liệu, nhưng mỗi tiệm, mỗi xe bánh mì có một tính cách, một gout riêng, không nơi nào giống nơi nào, hầu như dân Sài Gòn ai cũng có một chỗ “ruột” để mua bánh mì mà mình cho là ngon, người ta ăn chỗ nào thì quen chỗ đó, vì lâu lâu mua đại một chỗ nào đó, xui xui gặp bánh mì dở, nhá không trôi, nhưng cũng có khi hên, bất ngờ khám phá ra một chỗ bán bánh mì ngon mới, không biết trước được.

Trong bài Văn tế Nghĩa sĩ Cần Giuộc của cụ Nguyễn Đình Chiểu năm 1861, ta thấy có hai câu như sau:

Sống làm chi theo quân tả đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn
Sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm *bánh mì*, nghe càng thêm hổ. (Huỳnh Ngọc Trảng)

Bánh mì theo chân người Pháp đến Sài Gòn đầu tiên, sau đó ra Hà Nội, nên khi người ta đề cập đến Sài Gòn: bánh mì Sài Gòn. Ta thấy những thực phẩm, mà người Tây mang sang nước ta, đều được gọi kèm theo chữ...”tây” như: khoai tây, hành tây, rượu tây... Trong khi ngoài Bắc gọi bánh mì là *bánh tây*, thì Sài Gòn gọi là bánh mì ổ. Có lẽ một trong các loại bánh mì mà người Pháp du nhập sang đầu tiên là pain de champagne (bánh mì đồng quê) ổ bự, to bè, nhiều ruột, để được vài ngày hay các loại bánh mì hình tròn, hình bầu dục gọi tên là le pain rond, le complet, le bâtard...

(Bánh mì Sài Gòn theo giòng thời gian – Xuân Phương)

Tửu phùng tri kỷ, thiên bôi thiếu?

Hỏi: Kính chào toàn thể quý cao thủ tiền bói nhà nho,
Mình đã nghe, nhiều và rất nhiều chữ “Tửu phùng tri kỷ, thiên bôi thiếu” mà chẳng hiểu nghĩa gì hết, xin thoại dáo các tiền bói, mình biết mình viết say chính tả nhiều lắm xin các tiền bói bỏ qua cho...Cám ơn nhiều thiệt nhiều nha.

Đáp: Uống rượu (nhậu) mà gặp tri kỷ thì *ngàn chung vẫn còn thấy ít* đấy ông bạn à. Cái này là cách nói cường điệu hoá của người xưa chứ mặc dù là *cái chung tuy nhỏ nhưng thực tế ít người uống được ngàn chung*.

Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiếu
Mạc ngộ tri âm bán cú đa
Tuý ngoạ sa trường quân mạc tiểu
Cổ lai chinh chiến khứ nhân hời

Nâng chén, cụng li, chạm cốc...

Nước ta còn thiếu nhiều cái nhưng chắc chắn không thiếu những tiệm cà phê, quán nhậu. Chỗ này cười nói, chỗ kia hò hét. Ăn uống món gì hạ hồi phân giải. Trước mắt, cứ *dzô* xem ra sao...

Đồ uống và cách uống của ta đã trải qua nhiều thăng trầm, trời sục. Thời xa xưa, các cụ hãnh diện bảo nhau *nam vô tửu như kì vô phong*. Bọn đàn ông không có rượu trông vô duyên như cờ không được gió phát. Những lúc trời đất nổi cơn gió bụi, ngồi trong nhà rung đùi chén tạc chén thù, chén chú chén anh, phong lưu ra phết. Rượu vào, hứng ra. *Ngoảnh mặt lại cừu*

hoàn coi cũng nhỏ (Cao Bá Quát). Rồi đến thời *làm trai biết đánh tổ tôm, uống chè Chính Thái, xem nôm Thuý Kiều*.

Nhưng rượu vẫn là thú tiêu khiển chính của văn nhân mặc khách.

Trời say trời cũng đồ gay,

Đất say đất cũng lăn quay ai cưỡi (Tản Đà).

Ngoài rượu, chè (trà), bạn bè còn mời nhau uống cà phê (café), uống bia (bière).

Cụng *li*, chạm *cốc* tưng bừng. Mắt mờ, tay run... *Dzô ! Dzô!* Quên hết mọi chuyện.

Uống nước nhớ nguồn.

Uống cà phê, uống rượu, uống bia thì nhớ cái gì ? Đề nghị nhớ mấy cái *chép, bát, li, cốc, tách* đựng đồ uống. Trước khi nhớ, xin tìm hiểu thêm mấy cái linh kính này một chút. Nhân lúc *trà dư tửu hậu*, tội gì không đem mấy cái *bát, chén, li, cốc, tách* ra bàn cho sướng miệng vậy thôi!

(Nguyễn Dư)

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Tình dục

Có quá nhiều người nghĩ rằng bất cứ truyện viết nào dính líu đến tình dục là khiêu dâm. Điều này xa với sự thật. Một câu chuyện có tình dục trong đó, có thể gọi tình nhưng không có nghĩa là nó thuộc loại khiêu dâm.

Hélène Cixous, một tiểu thuyết gia kiêm nhà phê bình nữ, trong bài tiểu luận *Le rire de la Méduse* (1975) đã nhắc nhở phụ nữ viết. Viết chính là tiếng nói của phụ nữ, tiếng nói được xem như cất lên từ dục tính chứ không phải từ văn hoá, tiếng nói để tạo ra cuộc đời, lạc thú chứ không phải để tích tụ.

Viết về tình dục, mở được cánh cửa nội tâm con người. Nó bày được những trạng thái tâm, sinh lý thường nhật. Phụ nữ viết về sex để diễn đạt cảm quan của mình. Họ cũng có trí tưởng tượng như nam giới nhưng xã hội đã dạy họ rằng phụ nữ chỉ được quyền làm cái này, tránh làm cái kia. Viết về ngôn ngữ thân xác giúp cho phụ nữ giải tỏa những uẩn ức đó. Nó là một hình thức nghiệm sinh, một hành trình qua đó con người tìm ra căn cước tình dục mà cũng là căn cước con người đích thực của mình.

Có một số người viết nữ có khuynh hướng bung thoát khỏi tầm ngắm. Họ muốn bút phá bức tường thành kiến xã hội, tả và viết về tình dục như một biểu trưng của nữ quyền. Đồng thời họ cũng là mục tiêu cho nhiều phát đạn từ nhiều phía bắn vào.

(Sex: dưới mắt nhìn của người viết nữ – Trịnh Thanh Thủy)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Yêu nhau vì sinh lý

Quý nhau vì đồng tiền

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Hồ Xuân Hương

Người đọc Việt Nam có thói quen, tất cả những gì dính dáng bộ phận sinh dục hay hành động tính dục đều cho là dâm ô, tục tĩu. Định kiến xã hội có thói quen cảm nhận những từ ngữ thân xác là thô tục, trơ trẽn, sống sượng và hung bạo, v.v...trên bình diện nghệ thuật nói chung, văn chương nói riêng.

Trong kho tàng văn học Việt Nam thời xưa, người viết nữ đề cập đến tình dục nhiều nhất là nữ sĩ Hồ Xuân Hương. Bà dùng thơ ca để phản kháng mãnh liệt sự đối xử bất công của xã hội

đã chèn ép, đánh giá thấp thân phận người phụ nữ qua bản thân của chính bà. Ngày nay những tác phẩm văn chương của bà được ca tụng nhưng dĩ nhiên vào thời của bà, bà ắt chịu nhiều dè bĩu và phê bình gay gắt. Là một phụ nữ có tài thơ văn nhưng duyên phận long đong, Hồ Xuân Hương phải làm lẽ ông Tri Phủ Vĩnh Tường luống tuổi. Sau ông mất sớm, bà phải gả nghĩa cùng ông Cai Tổng Cốc nhưng không lâu ông cũng qua đời. Trong bài thơ “Lấy chồng chung”, bà nói lên được nỗi đắng cay chua xót của người phụ nữ lấy chung một chồng qua quan niệm đa thê, “trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng”:

Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng,
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.
Năm thì mười họa hay chạng chơ,
Một tháng đôi lần có cũng không.
Cổ ấm ăn xôi, xôi lại hẩm,
Cầm bằng làm mướn, mướn không công.
Thân này ví biết đường nào nhỉ,
Thà trước thôi đành ở vậy xong.

Rốt cuộc bà cũng chẳng hưởng được gì, khát vọng tình yêu và uẩn ức tình dục đã đẩy nữ sĩ Hồ Xuân Hương vào con đường cầm viết mà là một cây viết tình dục nữ như một duyên kiếp.

(Sex: dưới mắt nhìn của người viết nữ – Trịnh Thanh Thủy)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Cúm gà chỉ chết mình gà
Cúm chim thì chết cả bà... lẫn ông.

Văn hoá chữi

Hãy thử để ý đến các câu chữi tục hay văng tục của người Việt Nam. Nói chung, cách chữi tục và văng tục của người Việt Nam có mấy đặc điểm chính:

Thứ nhất, hay nhắc đến các *bộ phận sinh dục*;_thứ hai, *phái nào nhắc đến bộ phận sinh dục của phái ấy*._Chính ở điểm thứ hai này, chúng ta có cơ hội nhìn thấy hai khác biệt trong cách nhìn của hai phái nam và nữ về bộ phận sinh dục của chính họ.

Cứ lấy ngay những câu chữi tục làm ví dụ. Điều cần ghi nhận đầu tiên là, trong tiếng Việt, ở phía nữ giới, hoàn toàn không có từ nào có thể được xem là tương đương với từ “trở cặc” hay “văng cặc” ở nam giới. Rõ ràng là phụ nữ không “văng” và cũng không “trở”. Chữi nhau, họ dùng các động từ khác: *bú, liếm, chui, nhét*, v.v...

Trong khi đó, nam giới thì khác. Đã đành là có một số trường hợp, người ta cũng đòi “nhét” của quý của mình vào miệng đối thủ, nhưng những cách diễn tả như vậy khá hiếm hoi. Phổ biến hơn, người ta chỉ nói một cách ngắn gọn: “Cặc!” hay “Cặc tao đây nè!”
Vậy thôi.

(Nguồn: Nguyễn Hưng Quốc)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Nhớ ai ra ngẩn vào ngờ
Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai
Xa nàng nhớ cái bạt tai
Chọc nàng chút xíu, lãnh hai cái liềm

Tình dục trong làng văn xóm chữ

Lệ Hằng

Trước thập niên 75, nhà văn nữ Lệ Hằng trong tác phẩm *Mắt tím* đã cho nhân vật nữ, vợ bé

của một ông lớn nhiều tuổi, nói lên nỗi lòng của người phụ nữ với sự bất mãn tình dục.

"Tôi nhắm mắt lại cảm giác đốt cháy sao nguôi tàn. Da thịt thôi đã hết sôi. Ái ân khi đầy khi vơi khi nồng nàn, khi giá băng. Tôi bức bối khó chịu vì Thụy không chờ nổi tôi đi hết đường. Nửa vơi khó chịu quá, tôi mặc Thụy nằm thờ quay mặt đi.

Da thịt tôi buồn bức như lá chưa xanh đã héo, như quả chưa chín đã khô, như người chưa lớn đã vội già. Tôi muốn Thụy biến đi chỗ khác mà ngủ mà ngáy. Tôi muốn được một mình. Bây giờ tôi hiểu tại sao đàn bà ngoại tình. Thà không có chồng thà đừng ân ái. Thứ ân ái nửa vơi là thứ ái ân đàn bà thù nhất".

(Lệ Hằng, *Mắt tím*)

Ngày nay với sự tiến hoá của xã hội, chế độ "một vợ, một chồng" tuy giành được phần nào công bằng cho người nữ nhưng sự xem thường và ít coi trọng cảm xúc người phụ nữ vẫn xảy ra trong cuộc sống hằng ngày.

"Kỹ thuật điện toán đã nối cầu giao lưu giữa người và người. Phụ nữ không còn mặc cảm thân phận dưới khung trời ảo. Họ tự tin, cởi mở, nói điều muốn nói, bày tỏ cảm nhận của mình bạo dạn và rõ ràng hơn, nhất là trong lãnh vực tình dục. Họ dễ dàng chấp nhận thế giới ảo. Thế giới ảo làm thay đổi tư duy, cách cư xử của người phụ nữ nói chung và người phụ nữ trẻ nói riêng. Nữ giới bây giờ đọc và viết nhiều hơn ngày trước"

(Sex: dưới mắt nhìn của người viết nữ – Trịnh Thanh Thủy)

"Áo từ", "ân từ" hay "biển từ" trong tiếng Việt?

Thông thường, "đi" trong Việt ngữ là từ vựng chỉ hành động di chuyển từ A tới B, không phân biệt đi bộ, đi xe đạp, đi xe ngựa xe bò, đi xe ôm, đi xe máy, đi xe đò, đi xe hơi, đi tàu bè hay đi bằng máy bay. Bất kể sử dụng phương tiện giao thông gì, dân Việt đều nói "đi" tuốt luốt. Ca dao có câu:

"Đi đâu cho thiếp theo cùng.

Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam."

"Đi đâu", ở đây, không nêu rõ đích đến của "đi", mà ngụ ý "dù bốn ba chân trời góc bể nào"...

Đôi khi, cả hai thể cùng có mặt, như trong bài thơ "*Dạ khúc*" của thi sĩ Thanh Tâm Tuyền được nhạc sĩ Phạm Đình Chương soạn thành nhạc phẩm "*Dạ 'Tâm' khúc*":

"Đi đi chúng ta đến công viên.

Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối.

Ôi môi em như mật đắng.

Như móng sắc thương đau.

Đi đi anh đưa em vào quán rượu.

Có một chút Paris.

Để anh được làm thi sĩ.

Hay nửa đêm Hà nội..."

Cũng chưa thấy gì "quan ngại" lắm! Chuyện đáng ngại chỉ xảy ra, khi "*đi*" cặp kè với "*thôi*". Còn gì đau lòng hơn, khi lời đề nghị của chàng bị nàng ngắt gọn phang cho hai chữ: "*Thôi đi!*". Trong tình huống này, kiêu nói, hay văn hoa bóng bẩy, phong cách diễn đạt của đối tượng nàng giữ một vai trò vô cùng quan trọng. Nếu giọng nàng ngọt ngào, nũng nịu với một ngất quăng giữa hai chữ thì chưa sao. Hy vọng còn tràn trề. Chỉ khi nào nàng đổi giọng cau có, thì hy vọng gần như tiêu tùng, liệu tìm lời năn nỉ thì hơn! Và từ "đi" bỗng hoá vô nghĩa, biến dạng thành một thứ gì rất... kỳ cục, người viết không biết phải giải thích sao cho ổn.